

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Hường
Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Mỹ

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM BẮC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Hường
Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Mỹ**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Hương

Mã SV: 1354010037

Lớp: QT1303K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và
xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại Và

Dịch Vụ Nam Bắc

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Trình bày thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Nam Bắc

- Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Nam Bắc, trên cơ sở đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng tài liệu kế toán của Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Nam Bắc từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Nam Bắc

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Mỹ**

Học hàm, học vị: Tiến Sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Nam Bắc

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Phạm Thị Hường

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	3
1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC	3
1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu	3
1.1.1.2. Khái niệm về chi phí	5
1.1.1.3. Khái niệm kết quả kinh doanh	6
1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ...	7
1.1.3. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán trong Doanh nghiệp	8
1.1.3.1 Các phương thức bán hàng	8
1.1.3.2. Các phương thức thanh toán	9
1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh Nghiệp vừa và nhỏ	9
1.2.1. Tổ chức kế toán Doanh thu trong Doanh nghiệp vừa và nhỏ	9
1.2.1.1. Tổ chức kế toán doanh thu và cung cấp dịch vụ	9
1.2.1.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC	12
1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính	15
1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	19
1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC	19
1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tài chính	22
1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC	24
1.2.2.4. Tổ chức kế toán chi phí khác theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC	26

1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC.....	28
1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM BẮC.....	32
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH TM và DV Nam Bắc.....	32
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.....	32
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.....	33
2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.....	33
2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.....	35
2.1.5. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.....	36
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.....	40
2.2.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.....	40
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.....	41
2.2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.....	41
2.2.2.2. Thực trạng kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.....	51

2.2.2.3 Thực trạng kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc	60
2.2.2.4. Thực trạng kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc	64
2.2.2.5 Thực trạng kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc	69
2.2.2.6. Thực trạng Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc	78
2.2.2.6.1 . Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.....	78
2.2.2.6.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	78
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM BẮC.....	87
3.1. Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc	87
3.1.1. Ưu điểm.....	87
3.1.2. Hạn chế.....	90
3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.....	92
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.....	92
3.2.2. Một số ý kiến đề xuất hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.....	93
KẾT LUẬN	110
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	111

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Sổ chi tiết bán hàng	46
Bảng 2.2: Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng theo từng nhóm mặt hàng.....	47
Bảng 2.3: Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng.....	48
Bảng 2.4: Sổ nhật ký chung	49
Bảng 2.5: Sổ cái tài khoản 511	50
Bảng 2.6: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán	55
Bảng 2.7: Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán theo từng nhóm mặt hàng.....	56
Bảng 2.8: Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán.....	57
Bảng 2.9: Sổ nhật ký chung	58
Bảng 2.10: Sổ cái tài khoản 632	59
Bảng 2.11: Sổ nhật ký chung	62
Bảng 2.12: Sổ cái tài khoản 515	63
Bảng 2.13: Sổ nhật ký chung	67
Bảng 2.14: Sổ cái tài khoản 635	68
Bảng 2.15: Bảng tính phân bổ khấu hao	75
Bảng 2.16: Sổ nhật ký chung	77
Bảng 2.17: Sổ cái tài khoản 642	78
Bảng 2.18: Phiếu kế toán	80
Bảng 2.19: Phiếu kế toán	80
Bảng 2.20: Phiếu kế toán	81
Bảng 2.21: Phiếu kế toán	81
Bảng 2.22: Phiếu kế toán	81
Bảng 2.23: Sổ nhật ký chung	82
Bảng 2.24: Sổ cái tài khoản 911	83
Bảng 2.25: Sổ cái tài khoản 821	84
Bảng 2.26: Sổ cái tài khoản 421	85
Bảng 2.27: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	86
Bảng 3.1: Bảng kê hóa đơn chứng từ cung cấp dịch vụ theo khách hàng	96
Bảng 3.2: Sổ nhật ký chung	97

Bảng 3.3: Sổ cái	98
Bảng 3.4: Sổ nhật ký bán hàng.....	101
Bảng 3.5: Sổ nhật ký thu tiền.....	102
Bảng 3.6: Báo cáo tình hình công nợ	105
Bảng 3.6: Phiếu kế toán	106

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10
Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp	11
Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu bán hàng đại lý	11
Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu bán hàng	12
Sơ đồ 1.5: Kế toán các khoản làm giảm trừ doanh thu	14
Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	16
Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác	18
Sơ đồ 1.8: Kế toán giá vốn hàng bán	21
Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí tài chính	23
Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	25
Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác	27
Sơ đồ 1.12: Kế toán xác định kết quả kinh doanh	29
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ	31
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý	33
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán	35
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán	39
Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42
Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán giá vốn hàng bán	52
Sơ đồ 2.6: Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán doanh thu hoạt động tài chính	60
Sơ đồ 2.7: Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán chi phí tài chính	65
Sơ đồ 2.8: Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán chi phí quản lý kinh doanh	70
Sơ đồ 2.9: Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán xác định kết quả kinh doanh	79

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển và hội nhập nhiều doanh nghiệp trên cùng một địa bàn cùng kinh doanh những sản phẩm như nhau nên sự cạnh tranh lẫn nhau ngày càng trở nên khó khăn hơn. Lợi nhuận của doanh nghiệp là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động đầu tư tài chính và kết quả hoạt động khác. Lợi nhuận càng cao thì tình hình tài chính của doanh nghiệp càng ổn định doanh nghiệp mới có điều kiện. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là làm sao đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh. Do đó, cuối kỳ kinh doanh doanh nghiệp phải xác định kết quả kinh doanh xem lãi hay lỗ từ đó có biện pháp quản lý doanh nghiệp thích hợp để đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh.

Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc kinh doanh vật liệu xây dựng, cùng nhiều lĩnh vực khác cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Do đó, nhiệm vụ quan trọng của kế toán là công ty là cần phải xác định đúng lãi, lỗ của hoạt động kinh doanh để giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có thể nhanh chóng đưa ra các chiến lược kinh doanh nhằm giúp doanh nghiệp có đủ thông tin để đạt được lợi thế trong kinh doanh, giảm chi phí và đạt được lợi nhuận cao. Nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán xác định doanh thu và lợi nhuận tại công ty, cùng với sự hướng dẫn tận tình của TS. Nguyễn Thị Mỹ và các nhân viên phòng kế toán của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc, em đã lựa chọn khóa luận tốt nghiệp : ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc”***.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Làm rõ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.
- Đánh giá thực trạng và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho

Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Lĩnh vực nghiên cứu về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phạm vi nghiên cứu: toàn bộ số liệu, chứng từ, sổ sách kế toán trong công ty nói chung và nội dung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chung: bao gồm các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối), các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp so sánh, phương pháp liên hệ), phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu đã đạt được...

Phương pháp kỹ thuật trình bày: kết hợp giữa mô tả với phân tích, giữa luận giải với bảng biểu sơ đồ.

5. Nội dung, kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung chính của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.

Chương 3: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.

Qua đây em cũng xin gửi lời cảm ơn đến GV-TS. Nguyễn Thị My cùng cô chú cán bộ phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này. Tuy nhiên, do phạm vi đề tài rộng, thời gian thực tế chưa nhiều nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong sự góp ý cũng như sự chỉ bảo thêm của các thầy cô cũng như cô chú trong phòng kế toán của công ty để em có điều kiện bổ sung nâng cao kiến thức của mình, giúp em hoàn thành chuyên đề báo cáo của mình một cách tốt nhất.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ
TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu

❖ **Doanh thu:** Là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD.

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC:

- *Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:*
 - + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu
 - + Hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
- ❖ *Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả*

của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại, bao gồm: tiền lãi, cổ tức được hưởng, lợi nhuận được chia từ hoạt động liên doanh, liên kết, lãi về chuyển nhượng vốn, chênh lệch tăng tỉ giá ngoại tệ và các khoản khác.

❖ **Thu nhập khác:** Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp như : thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng...

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất; kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách đã ghi trong hợp đồng.

Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: Đây là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên

doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau.

Thuế TTĐB : là số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp tính trên tỷ lệ % doanh thu bán hàng của hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTĐB.

Thuế xuất khẩu : là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp tính trên tỷ lệ % doanh thu bán hàng của hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế XK.

Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp theo phương pháp trực tiếp : là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

1.1.1.2. Khái niệm về chi phí

❖ **Giá vốn hàng bán:** Là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.

- Đối với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

❖ **Chi phí tài chính:** Là những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán..., dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

❖ **Chi phí quản lý kinh doanh:** Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Chi phí bán hàng:** Là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung

toàn doanh nghiệp.

❖ **Chi phí khác:** Là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

1.1.1.3. Khái niệm kết quả kinh doanh

❖ **Xác định kết quả kinh doanh:** Xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- **Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh.

- **Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- **Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Công thức xác định lợi nhuận của DN:

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} &= \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN} \\ \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} &= \text{Lợi nhuận HĐ SXKD} + \text{Lợi nhuận HĐTC} + \text{Lợi nhuận khác} \end{aligned}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Lợi} & & & & & & & & & \\ \text{nhuận} & & \text{Doanh thu bán} & & \text{Các khoản} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} & \\ \text{HĐ} & = & \text{hàng và cung} & - & \text{giảm trừ} & - & \text{hàng bán} & - & \text{bán hàng,} & \\ \text{SXKD} & & \text{cấp dịch vụ} & & \text{doanh thu} & & & & \text{QLDN} & \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận} & = & \text{Doanh thu} & & & & \\ \text{HĐTC} & & \text{HĐTC} & - & \text{Chi phí tài chính} & & \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận} & = & \text{Thu nhập khác} & - & \text{Chi phí khác} & & \\ \text{khác} & & & & & & \end{array}$$

1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.
- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.
- Tính toán phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.
- Ghi chép, theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến

hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để gia tăng lợi nhuận.

1.1.3. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán trong Doanh nghiệp.

1.1.3.1 Các phương thức bán hàng

❖ **Phương thức bán hàng trực tiếp:** Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

- **Bán buôn:** Là phương thức bán hàng theo lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

+ **Phương thức bán buôn hàng hoá qua kho:** là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

+ **Phương thức bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng:** là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà chuyển thẳng cho bên mua.

- **Bán lẻ:** Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

❖ **Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:** Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

❖ **Phương thức bán hàng qua đại lý:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức

hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

❖ **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi xuất nhất định.

❖ **Phương thức trao đổi hàng:** Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

1.1.3.2. Các phương thức thanh toán

Việc tiêu thụ hàng hoá nhất thiết được thanh toán với người mua, bởi vì chỉ khi nào doanh nghiệp thu nhận được đầy đủ tiền bán hàng hoặc sự chấp nhận trả tiền của khách hàng thì việc tiêu thụ mới được phép ghi nhận trên sổ sách kế toán. Việc thanh toán với người mua về hàng hoá bán ra được thực hiện bằng: *Phương thức trả ngay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, trả chậm trả góp*

1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh Nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1. Tổ chức kế toán Doanh thu trong Doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1.1. Tổ chức kế toán doanh thu và cung cấp dịch vụ

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (đối với Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hóa đơn bán hàng thông thường (đối với DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

- Phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

Các TK cấp 2:

TK 5111 - *Doanh thu bán hàng hóa*

TK 5112 - *Doanh thu bán các thành phẩm*

TK 5113 - *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TK 5118 - Doanh thu khác

❖ Kết cấu tài khoản

Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng”

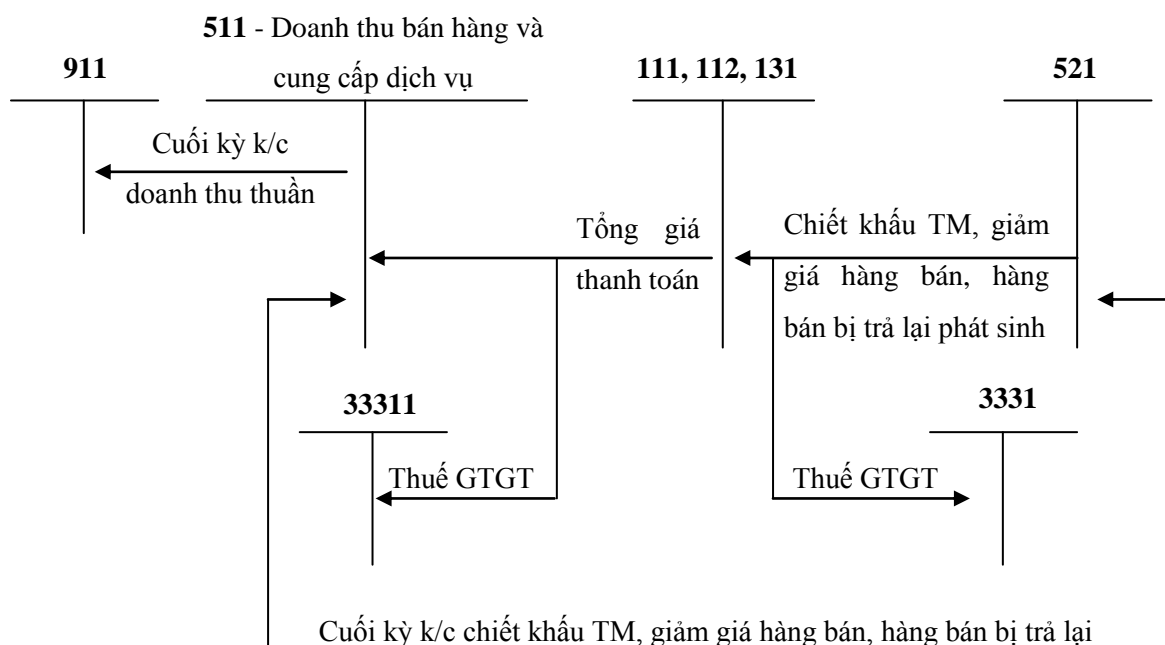
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ. - Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ số 1.1

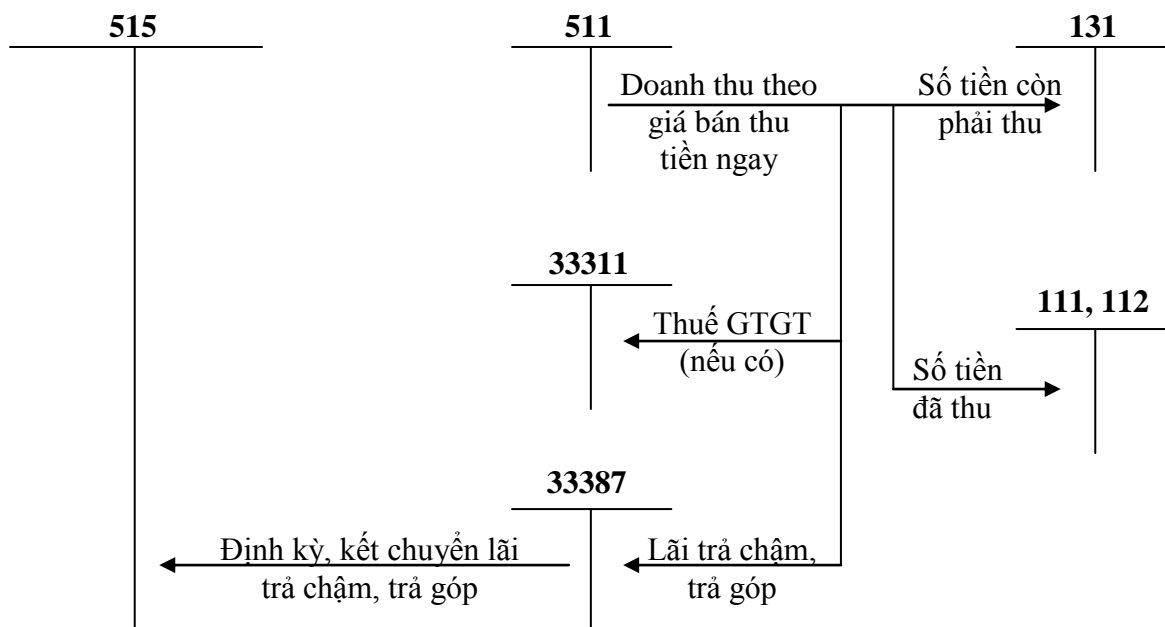
**Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
theo phương pháp trực tiếp
Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



Sơ đồ số 1.2

Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



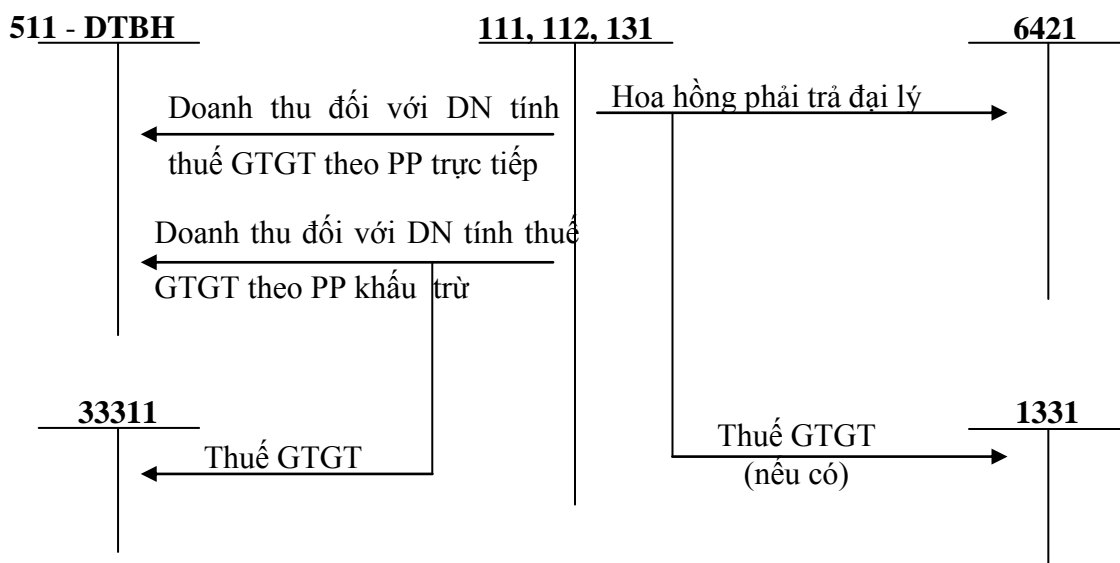
Sơ đồ số 1.3

Kế toán doanh thu bán hàng đại lý

(Phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)

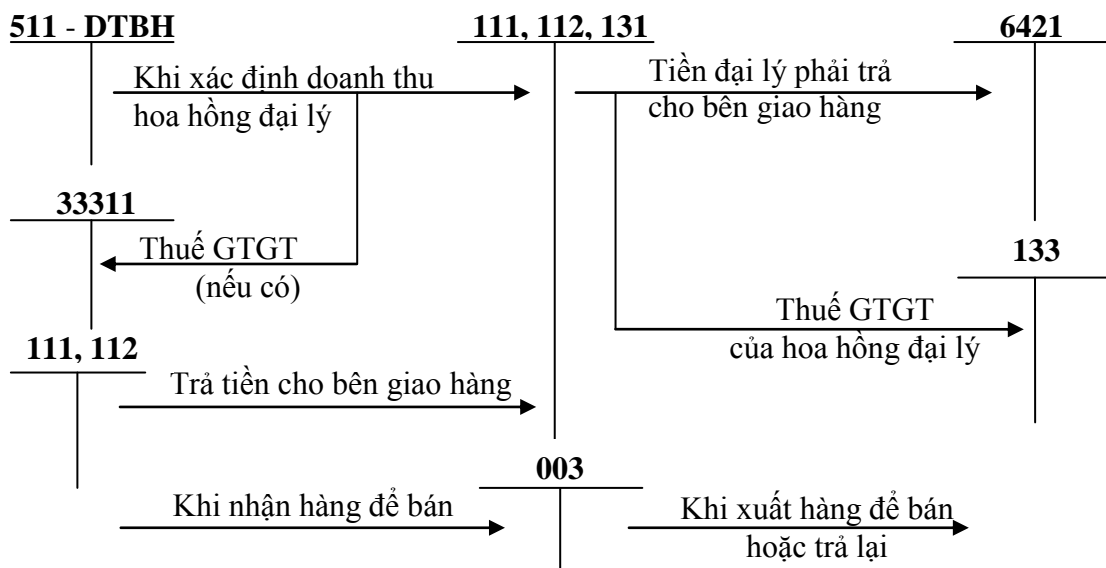
(Đối với bên giao đại lý)

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



Sơ đồ 1.4:

**Kế toán doanh thu bán hàng
Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng
(Đối với bên nhận đại lý)
(Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)**



1.2.1.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

❖ Chứng từ kế toán

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Phiếu chi
- Hoá đơn GTGT
- Chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 521 "Các khoản giảm trừ doanh thu"

Các TK cấp 2:

Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại: Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng đối với khối lượng hàng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại: Phản ánh trị giá bán của số sản phẩm, hàng hóa đã bán bị khách hàng trả lại.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán: Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá bán ghi trong Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ.

Ngoài ra các khoản giảm trừ doanh thu còn bao gồm:

Tài khoản 3331: Thuế GTGT phải nộp (Theo phương pháp trực tiếp)

Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tài khoản 3333: Thuế xuất, nhập khẩu

❖ *Kết cấu tài khoản:*

Tài khoản 521 “ Các khoản giảm trừ doanh thu ”

- Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra.	- Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ".
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.	
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

Tài khoản 333 “ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ”

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ.	- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;	- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp.	
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.	
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

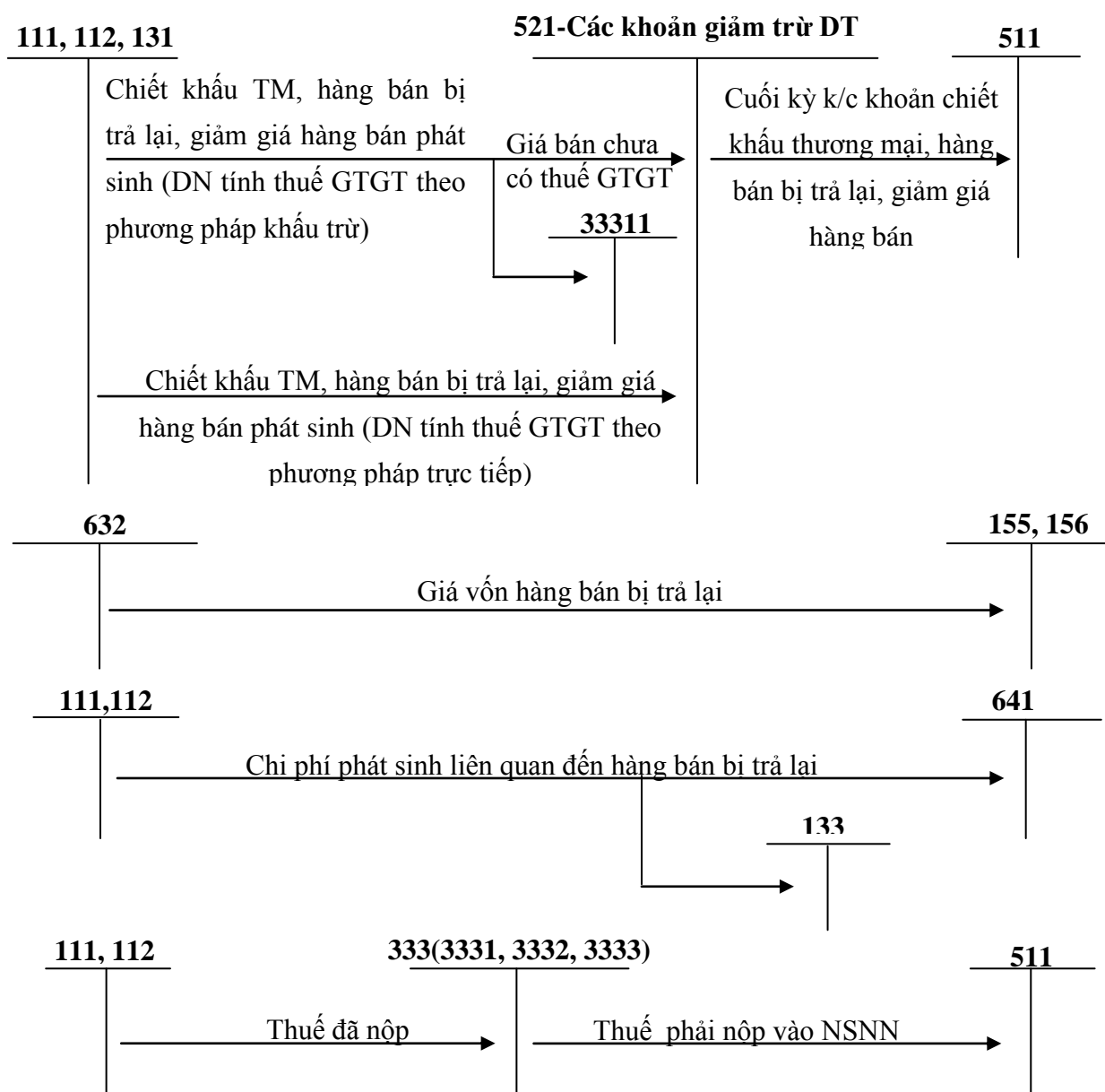
Số dư bên Có TK 333: Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp cá biệt, Tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

❖ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ số 1.5

Kế toán các khoản làm giảm trừ doanh thu Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính**❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Phiếu báo Có

❖ Tài khoản sử dụng

TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

❖ Kết cấu tài khoản**Tài khoản 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”**

<ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 - "Xác định kết quả kinh doanh" .	<ul style="list-style-type: none">- Tiền lãi.- Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản.- Chênh lệch về do bán ngoại tệ.- Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán.- Doanh thu hoạt động tài chính;- khác phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

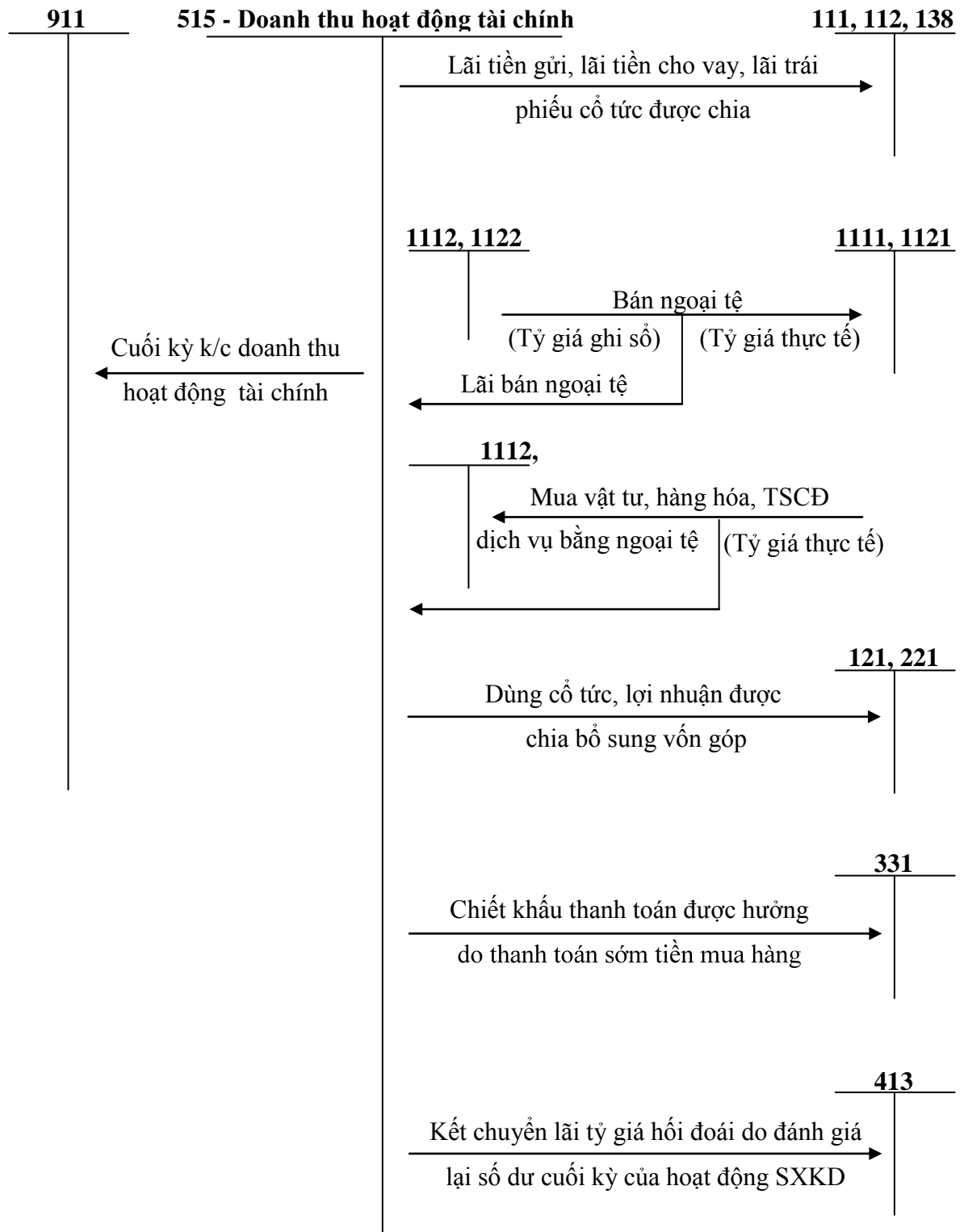
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ số 1.6

Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.2.1.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 711 "Thu nhập khác"

❖ **Kết cấu tài khoản**

Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”

<ul style="list-style-type: none">- Thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	<ul style="list-style-type: none">- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.- Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

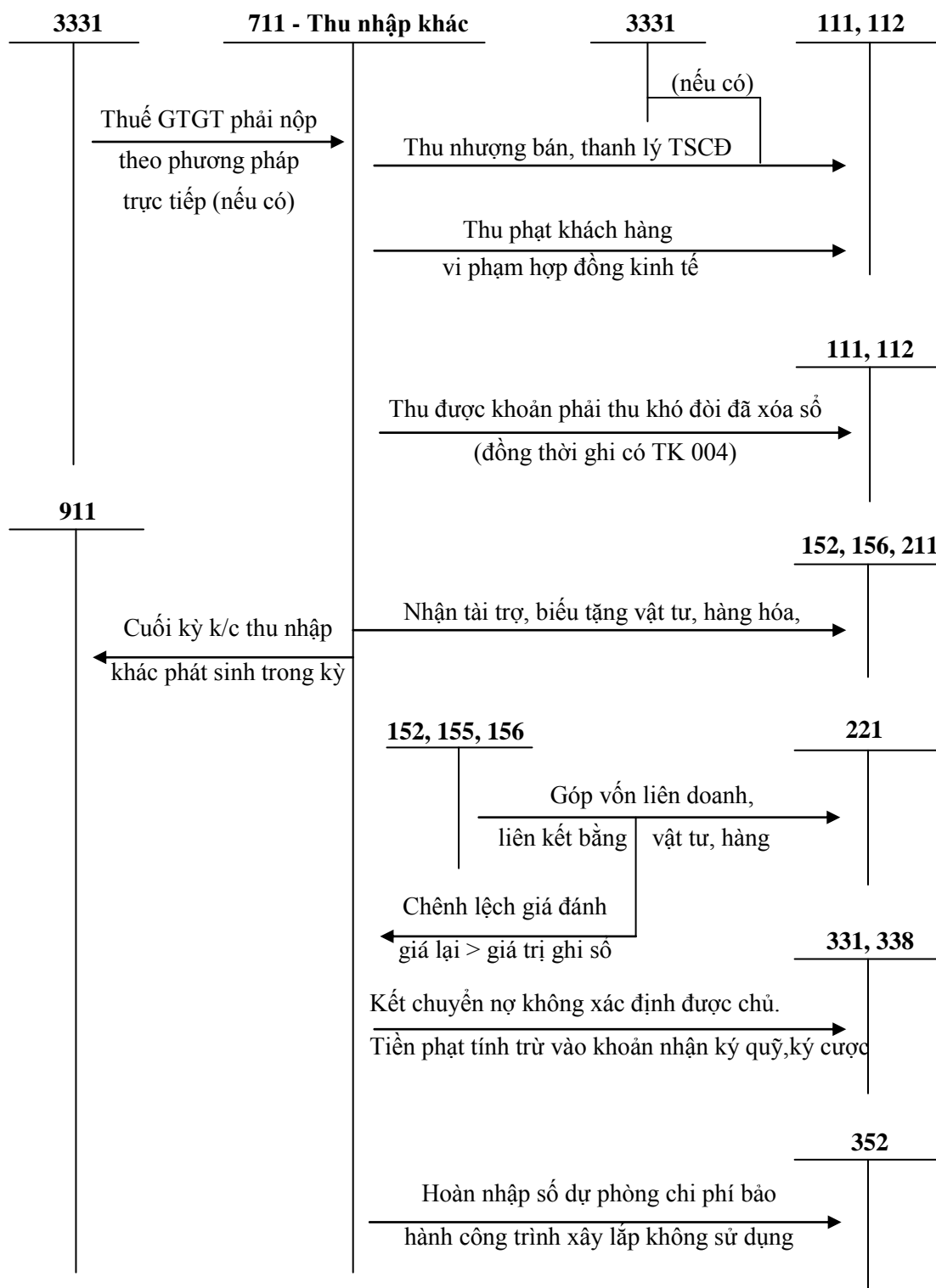
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ số 1.7

Kế toán thu nhập khác

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC****Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:**

Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho".

❖ Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hoá, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{hàng xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng hàng} \\ \text{hóa, thành} \\ \text{phẩm xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{quân gia quyền} \end{array}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo hai cách:

- Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân} \\ \text{gia quyền cả kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá hàng nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Lượng hàng tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lượng hàng nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}$$

- Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân} \\ \text{gia quyền sau lần nhập } i \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

❖ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số lượng hàng nhập sau theo giá là giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này số hàng tồn đầu kỳ được coi là lần nhập lần đầu tiên).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

- Xác định tại thời điểm cuối kỳ: theo phương pháp này hàng nào nhập vào sau cùng sẽ được xuất ra đầu tiên.
- Xác định sau mỗi lần nhập: theo phương pháp này thì sau mỗi lần nhập sẽ xác định giá trị thực tế xuất kho.

❖ **Phương pháp thực tế đích danh**

- Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).
- Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập. Do đó, những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 632 "Giá vốn hàng bán"

❖ **Kết cấu tài khoản**

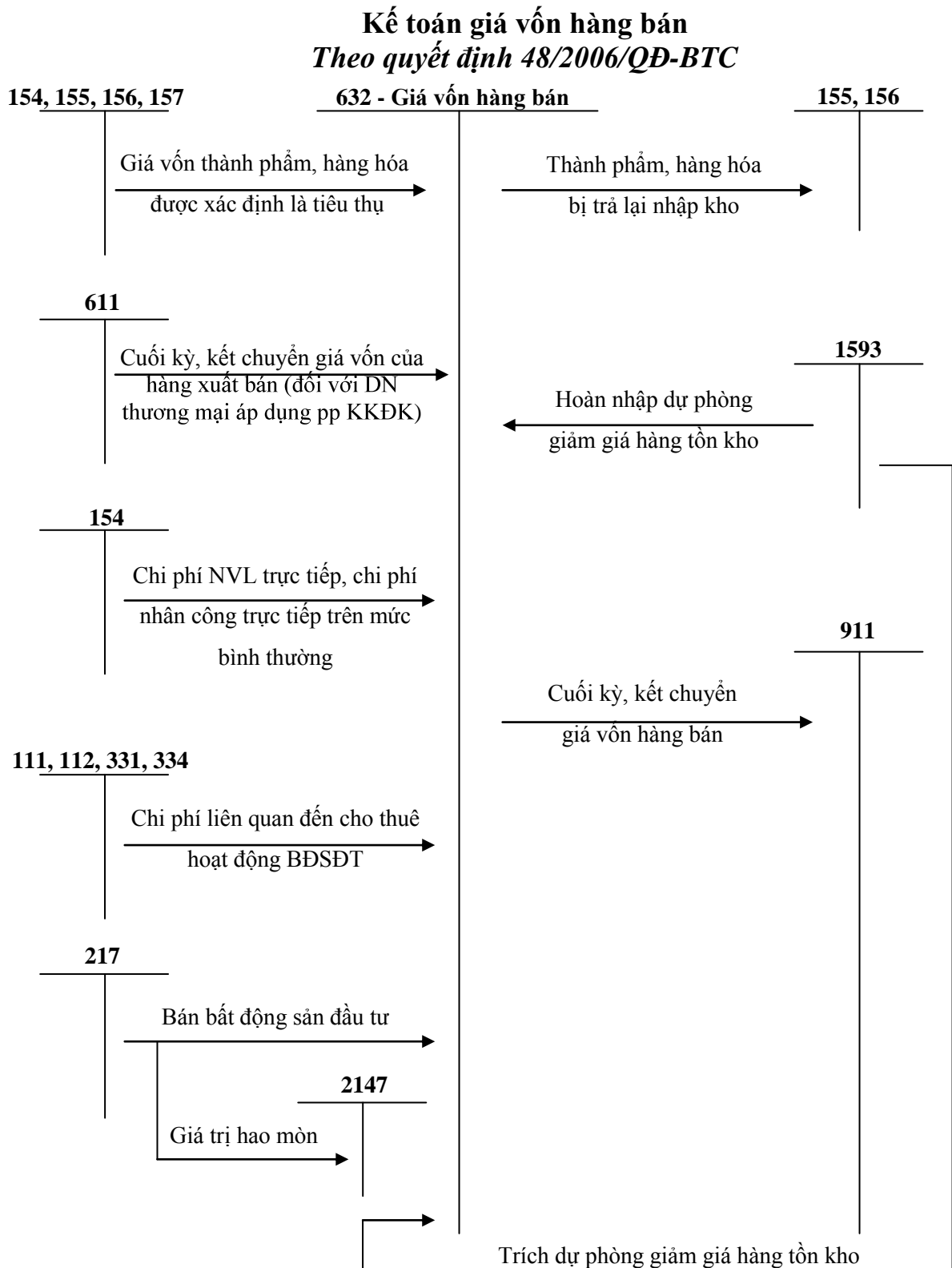
Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”

<ul style="list-style-type: none">- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	<ul style="list-style-type: none">- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911.- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho .- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ số 1.8



1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tài chính**❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

TK 635 "Chi phí tài chính"

❖ Kết cấu tài khoản**Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”**

<ul style="list-style-type: none">- Các khoản chi phí hoạt động tài chính.- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn.- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế.- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.	<ul style="list-style-type: none">- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

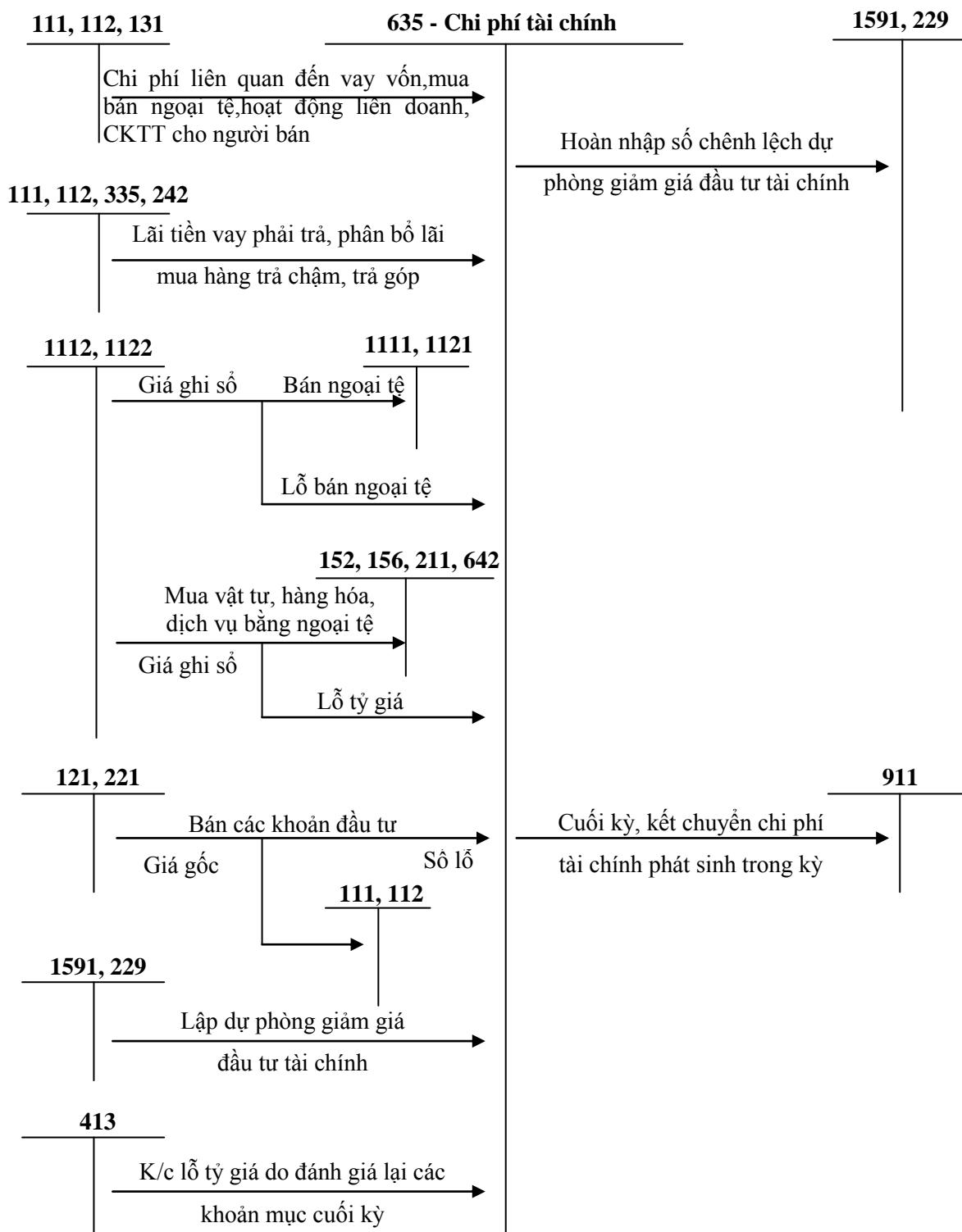
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ số 1.9

Kế toán chi phí tài chính

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ NVL - công cụ, dụng cụ
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán...

❖ Tài khoản sử dụng

TK 642 "Chi phí quản lý kinh doanh"

Các tài khoản cấp 2:

TK 6421: "*Chi phí bán hàng*"

TK 6422: "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*"

❖ Kết cấu tài khoản**Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh”**

- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.	- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ. - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên Nợ tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

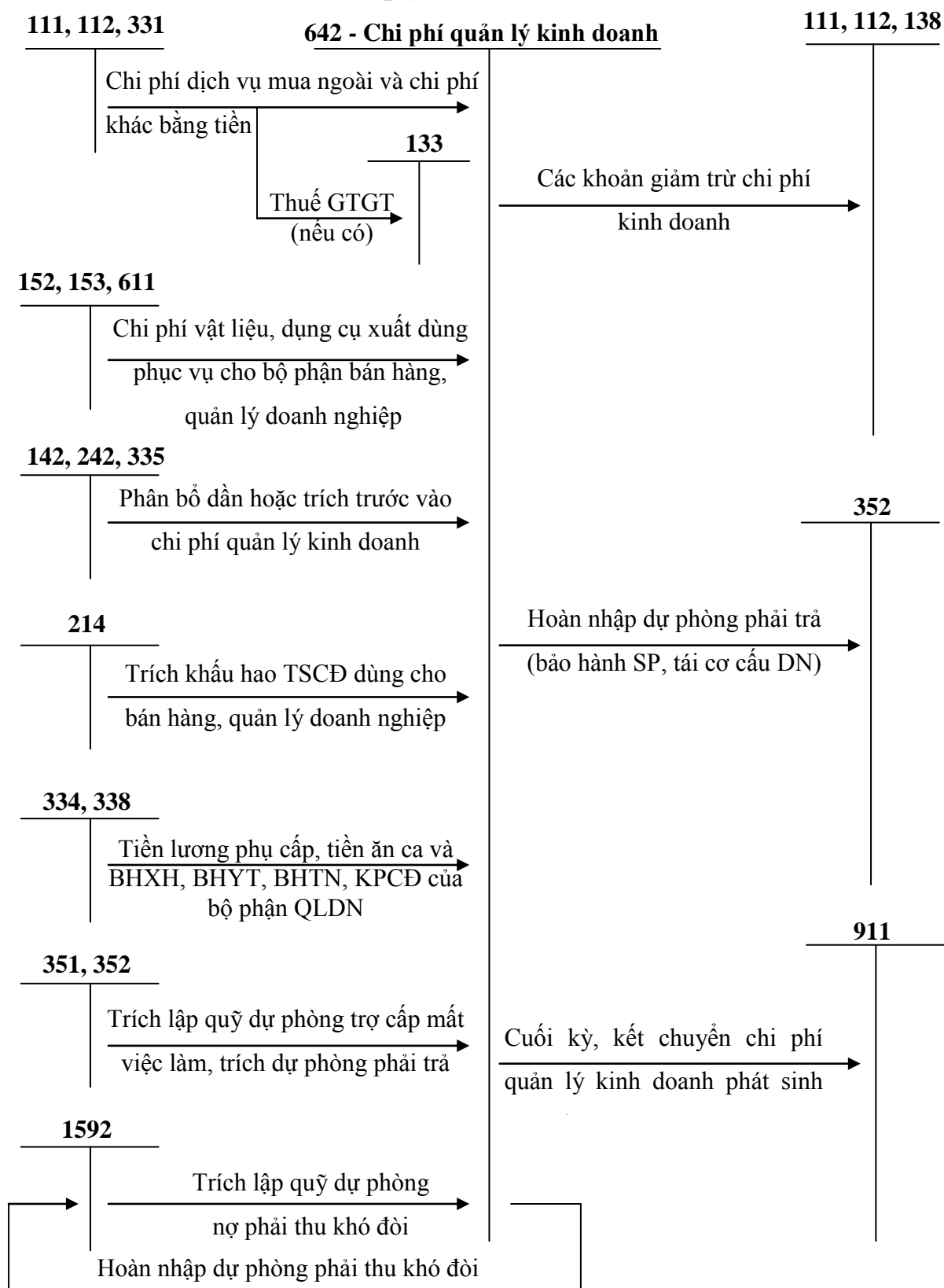
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ số 1.10

Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.2.2.4. Tổ chức kế toán chi phí khác theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi, biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 811 "Chi phí khác"

❖ **Kết cấu tài khoản**

Tài khoản 811 “ Chi phí khác ”

- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

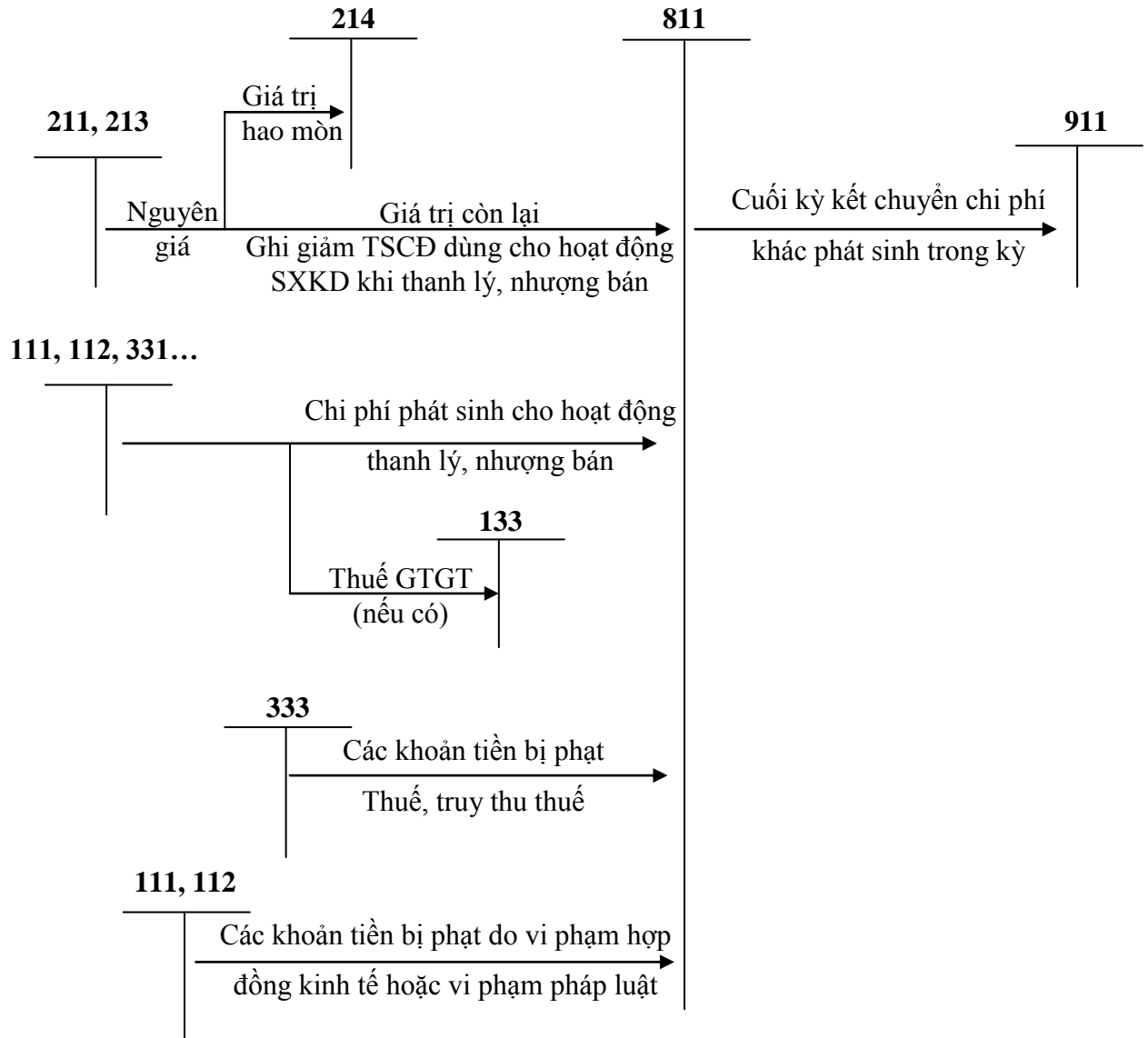
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ số 1.11

Kế toán chi phí khác

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Chứng từ liên quan khác.

❖ Tài khoản sử dụng

TK 911 - "Xác định kết quả kinh doanh"

TK 821 - "Chi phí thuế TNDN"

TK 421 - "Lợi nhuận chưa phân phối"

❖ Kết cấu tài khoản**Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”**

<ul style="list-style-type: none">- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp.- Chi phí hoạt động tài chính.- Chi phí khác.- Chi phí quản lý kinh doanh.- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.- Kết chuyển lãi.	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.- Doanh thu hoạt động tài chính;- Thu nhập khác.- Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.- Kết chuyển lỗ.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

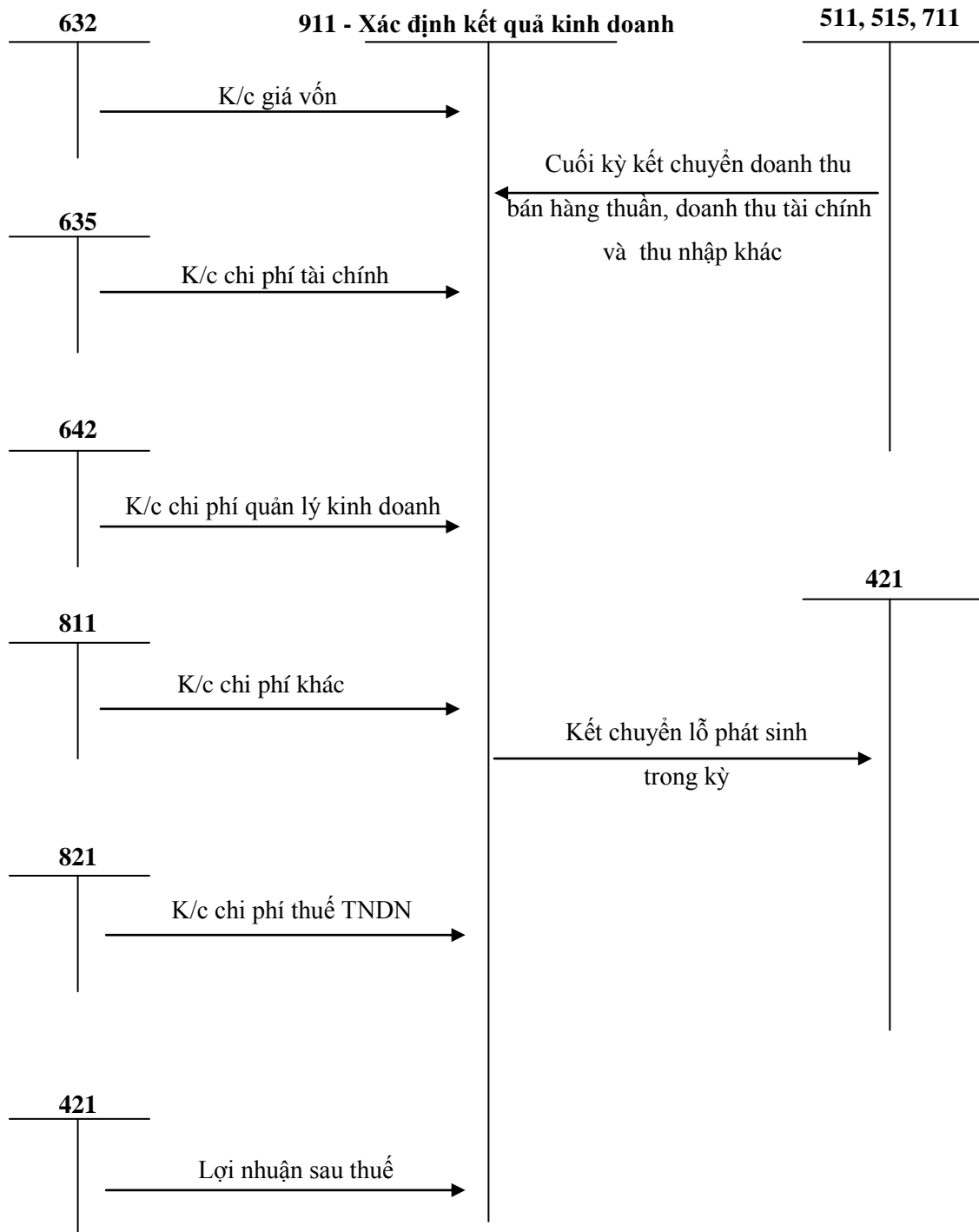
Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ số 1.12

Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Công tác kế toán trong một đơn vị hạch toán, đặc biệt trong các doanh nghiệp thường nhiều và phức tạp. Do vậy đơn vị hạch toán cần thiết phải sử dụng nhiều sổ sách để ghi chép. Mỗi hệ thống sổ kế toán được xây dựng là một hình thức sổ nhất định mà doanh nghiệp cần phải có để thực hiện công tác kế toán.

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật để chọn một hình thức kế toán phù hợp và tuân thủ đúng quy định của hình thức kế toán đó. Doanh nghiệp thường áp dụng một trong các hình thức sau:

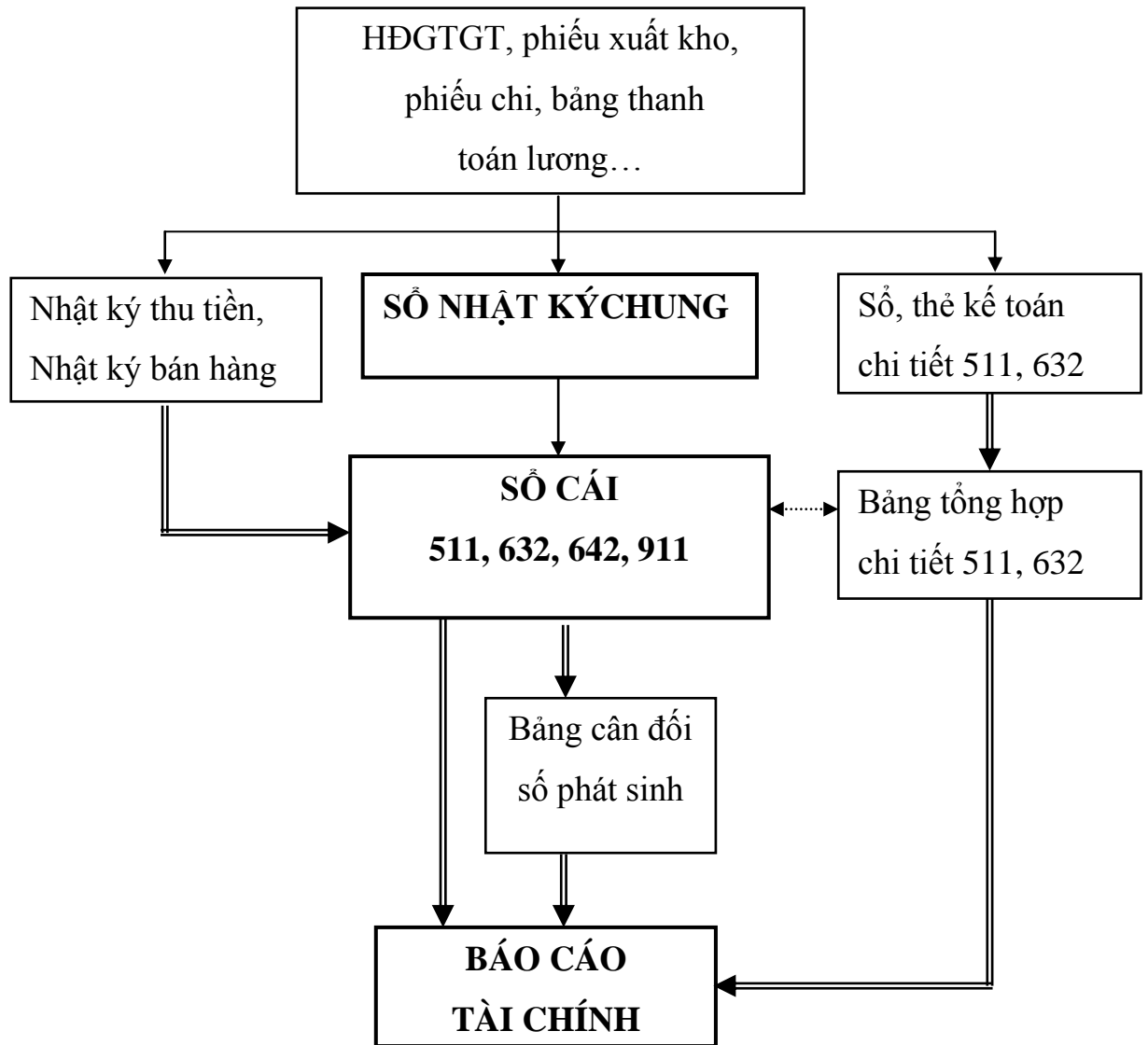
1. Hình thức kế toán Nhật ký chung
2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Để dễ dàng cho việc nghiên cứu, em xin được đi sâu vào hình thức kế toán mà Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc áp dụng, cụ thể là công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

❖ *Hình thức kế toán Nhật ký chung*

- *Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung*

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
==> : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
<---> : Đối chiếu

CHƯƠNG 2:
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM BẮC

2.1. Khái quát chung về Công Ty TNHH Thương Mại Và Nam Bắc

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc được thành lập ngày 15/6/2001 theo giấy phép kinh doanh số 0202002153 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty đã đạt được kết quả nhất định và góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của toàn thành phố Hải Phòng.

- ❖ Tên giao dịch tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM BẮC
- ❖ Tên viết tắt : NAM BAC CO.,LTD
- ❖ Tên giao dịch tiếng Anh: NAM BAC COMMERCIAL AND SERVICE COMPANY LIMITED
- ❖ Người đại diện : Lê Thị Tuyết
- ❖ Mã số thuế : 0200426042
- ❖ Số điện thoại : 031.3798144
- ❖ Fax : 031.3798550
- ❖ Vốn điều lệ : 3.000.000.000 đồng
- ❖ Địa chỉ : Số 3, Đường Mê Linh, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng.

Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc là công ty TNHH, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh. Trải qua nhiều năm hình thành và lớn mạnh, công ty cũng đã và đang đạt được bước chuyển mình mang tính đột phá cả về mặt chất lượng cũng như quy mô. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực

kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như tiềm năng sẵn có của mình.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

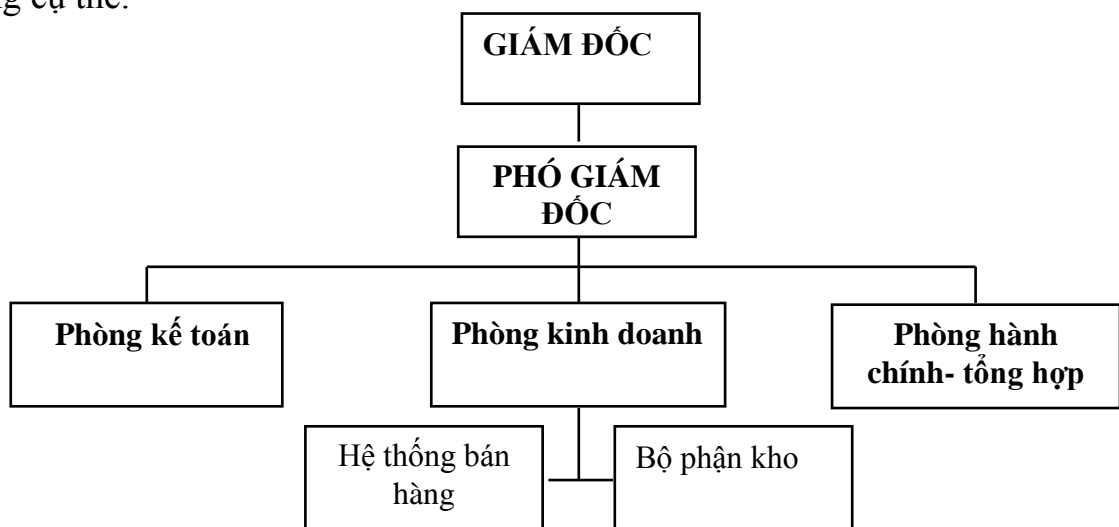
Bán buôn, bán lẻ vật liệu xây dựng gồm có:

- Các loại sắt, thép xây dựng
- Gạch, đá, cát xây dựng
- Vật liệu xây dựng các loại.

Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của mình, công ty đã xây dựng một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp thực hiện việc bán hàng và vận chuyển... Với việc tổ chức như trên đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.

Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc là đơn vị sản xuất kinh doanh độc lập. Công ty đã tổ chức mô hình quản lý kiểu trực tuyến với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ với bộ máy quản lý hoàn chỉnh, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM và DV Nam Bắc.

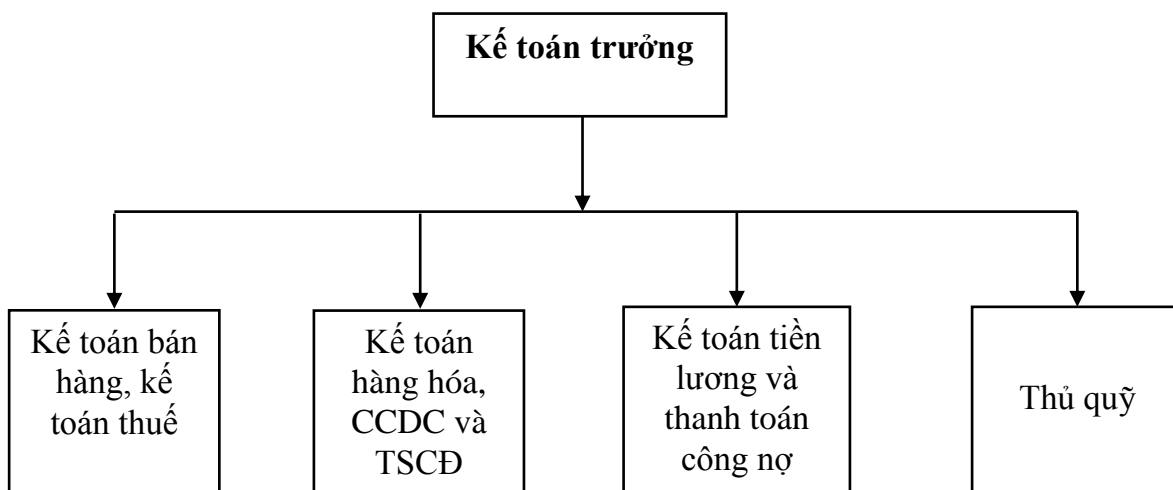
Trong đó:

- **Giám đốc:** Là người trực tiếp quản lý cao nhất của công ty, là người đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước nhà nước về các hoạt động của công ty và đại diện cho các quyền lợi của toàn bộ nhân viên trong công ty. Giám đốc đưa ra các đường lối, chính sách, phương hướng hoạt động của công ty.
- **Phó giám đốc:** Phó giám đốc là người tham mưu, hỗ trợ giám đốc, chịu trách nhiệm trước giám đốc, trước Nhà nước về nhiệm vụ của mình được Giám đốc phân công. PGĐ phối hợp các phòng ban trong công ty để lập và điều chỉnh kế hoạch phù hợp với xu thế của thị trường, quản lý chặt chẽ các loại vốn, hạch toán thu tài chính theo đúng chế độ của Nhà Nước.
- **Phòng kế toán:** Tham mưu cho giám đốc về mặt tài chính kế toán, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và có hiệu quả, chỉ đạo công tác kế toán tại công ty, xác định tài sản, vật tư, tiền vốn và kết quả kinh doanh. Lưu trữ hồ sơ và các chứng từ gốc có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của Công ty và các quỹ để lại.
- **Phòng kinh doanh:** Có nhiệm vụ lập kế hoạch, lên phương án sản xuất kinh doanh của Công ty. Phòng này có chức năng tìm hiểu, nghiên cứu thị trường, tham mưu cho Giám đốc trong lập kế hoạch tiêu thụ hàng hóa.
- + **Bộ phận kho:** Quản lý và điều hành kho, tổ chức công tác quản lý hàng hóa.
- + **Hệ thống bán hàng:** có chức năng bán các mặt hàng của công ty.
- **Phòng hành chính tổng hợp :** Quản lý lao động, điều động nhân lực khi cần thiết, tham mưu cho Ban Giám Đốc về tổ chức bộ máy quản lý, nghiên cứu lập kế hoạch hoạt động chung cho toàn công ty, quản lý và tổ chức nhân sự trong công ty, thực hiện các công tác lao động tiền lương, hỗ trợ các phòng ban khác soạn thảo văn bản, công văn, hồ sơ...Theo dõi và thiết lập kế hoạch đào tạo trên cơ sở phát triển theo định hướng của Công ty.

2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

Phòng kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo được sự hợp lý và hiệu quả trong việc cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin liên quan đến tài chính, kinh tế cho ban giám đốc. Phòng kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức bộ máy kế toán tập trung, chỉ có một phòng kế toán duy nhất chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kế toán của công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban giám đốc công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH TM và DV Nam Bắc

Trong đó:

- **Kế toán trưởng** là người chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về mọi công việc của phòng kế toán tài chính, chỉ đạo toàn bộ các công việc của phòng kế toán, tham mưu và tư vấn cho tổng giám đốc về công tác tài chính của công ty.
- **Kế toán bán hàng, thuế** chịu trách nhiệm theo dõi và phản ánh tình hình cũng như kết quả bán hàng và theo dõi thuế GTGT đầu vào, đầu ra, thuế TNDN, thuế TNCN và các loại thuế khác...

- **Kế toán công cụ dụng cụ và tài sản cố định** có nhiệm vụ phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn kho CCDC, lập bảng trích khấu hao của từng bộ phận để phân bổ chi phí chính xác, giúp cho kế toán tập hợp chi phí dễ dàng kịp thời.

- **Kế toán lương và thanh toán công nợ** có nhiệm vụ hạch toán lương và các khoản trích theo lương của cán bộ công nhân viên trong toàn doanh nghiệp và thanh toán các khoản chi phí giao dịch với ngân hàng, theo dõi công nợ giữa công ty với khách hàng.

- **Thu quỹ** có nhiệm vụ quản lý việc thu, chi hàng ngày dựa trên hoá đơn chứng từ mua bán.

2.1.5. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.

❖ **Niên độ kế toán:** Ngày bắt đầu 01/01, ngày kết thúc 31/12 hàng năm.

❖ **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính

❖ **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam.

❖ **Các chính sách, phương pháp kế toán đang áp dụng:**

- Kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc
- Tính giá hàng xuất kho: Theo phương pháp thực tế đích danh.
- Tính và nộp thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
- Tính khấu hao TSCĐ: Theo phương pháp khấu hao đều

❖ **Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:**

- **Kiểm tra chứng từ:** Xác định chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.

- **Hoàn chỉnh chứng từ:** Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất...tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.

- *Luân chuyển chứng từ:* Tùy theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ kế toán luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác.

- *Lưu trữ chứng từ:* Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

❖ **Hệ thống sổ kế toán:**

- *Sổ nhật ký chung:* Là loại sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong từng kỳ kế toán và trong một niên độ kế toán theo trình tự thời gian và quan hệ đối ứng các tài khoản của các nghiệp vụ đó. Số liệu kế toán trên sổ Nhật ký phản ánh tổng số phát sinh bên Nợ và bên Có của tất cả các tài khoản kế toán sử dụng trong doanh nghiệp. Sổ Nhật ký có tác dụng đối chiếu với các số liệu ghi ở sổ cái.

- *Sổ cái các tài khoản:* Dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong từng kỳ kế toán và trong một niên độ kế toán theo các tài khoản kế toán được quy định trong chế độ tài khoản kế toán áp dụng cho doanh nghiệp, Số liệu kế toán trên Sổ Cái phản ánh tổng hợp tình hình tài sản, nguồn vốn, tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Sổ chi tiết:* Dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến các đối tượng kế toán cần thiết phải theo dõi chi tiết theo yêu cầu quản lý. Số liệu trên sổ kế toán chi tiết cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quản lý từng loại tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chưa được phản ánh trên sổ Nhật ký và Sổ Cái.

❖ **Hệ thống báo cáo tài chính:**

- *Báo cáo tài chính* là những báo cáo tổng hợp về tình trạng tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng kỳ kế toán.

- Báo cáo tài chính năm gồm:
 - + Bảng cân đối kế toán.
 - + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - + Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

❖ *Hình thức kế toán áp dụng:*

Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán hình thức được công ty áp dụng là hình thức *Nhật ký chung*.

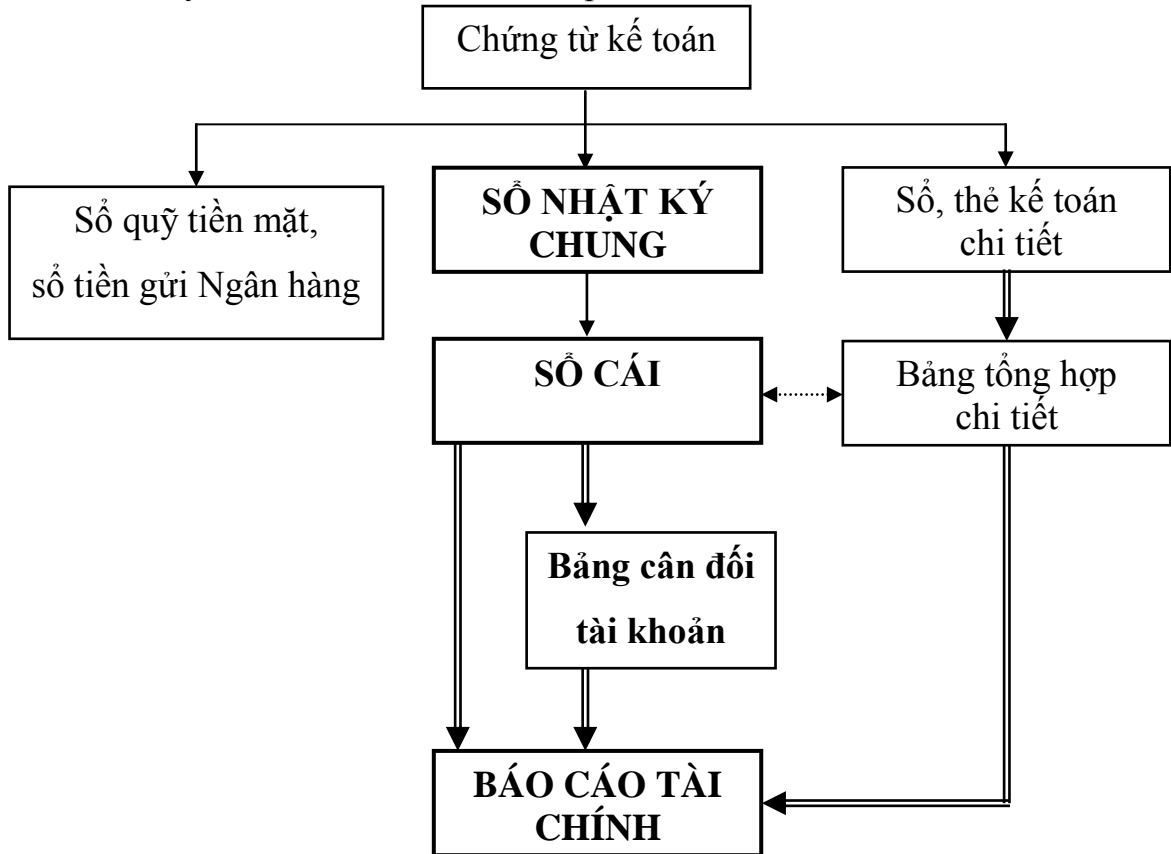
- *Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung*

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt.
- + Sổ Cái.
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán tại Công ty TNHH

Thương mại và Dịch vụ Nam bắc

Ghi chú:

- ✓ Ghi hàng ngày \longrightarrow
 - ✓ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow
 - ✓ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow
- **Trình tự ghi sổ kế toán:**

(1) Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán gốc đã được kiểm tra (các phiếu nhập, xuất kho, phiếu thu, chi tiền, giấy báo nợ, có...) dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết kế toán ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung hoặc sổ nhật ký đặc biệt, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung (sổ nhật ký đặc biệt) để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

(2) Cuối tháng, cuối năm cộng số liệu ghi trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

2.2.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc là công ty chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng gồm: sắt, thép, xi măng, gạch, cát... Doanh thu của công ty bao gồm các khoản tiền thu được từ hoạt động bán vật liệu xây dựng và các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính như lãi tiền gửi ngân hàng.

Đối với công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc được các nhân viên kế toán thực hiện tương đối chi tiết, chính xác, khoa học. Kế toán theo dõi chi tiết doanh thu, giá vốn cho từng nhóm hàng hoá, theo dõi đầy đủ các loại chi phí quản lý, chi phí bán hàng cũng như các khoản doanh thu hoạt động tài chính để cuối kỳ xác định kết quả kinh doanh.

❖ *Phương thức bán hàng của công ty*

Phương pháp bán hàng chủ yếu của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc là: Bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng, cho các công ty, cửa hàng tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

❖ *Phương thức thanh toán*

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.

- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người này sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng.

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.

2.2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01GTKT-3LL)
 - + Liên 1: Màu tím được lưu lại quyền hoá đơn
 - + Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng
 - + Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán
- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, phiếu báo có...)
- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra...

❖ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Do công ty kinh doanh nhiều loại mặt hàng khác nhau nên TK 511 được theo dõi thành 5 tài khoản cấp 2 tương ứng với từng nhóm hàng hóa mà công ty cung cấp:

TK 5111: Doanh thu bán các loại sắt

TK 5112: Doanh thu bán các loại thép

TK 5113: Doanh thu bán các loại gạch

TK 5115: Doanh thu bán VLXD khác.

Trong đó, mỗi mặt hàng lại được mở chi tiết để theo dõi tiếp:

TK 51121: Doanh thu bán thép D10

TK 51122: Doanh thu bán thép D12

TK 51123: Doanh thu bán thép D14

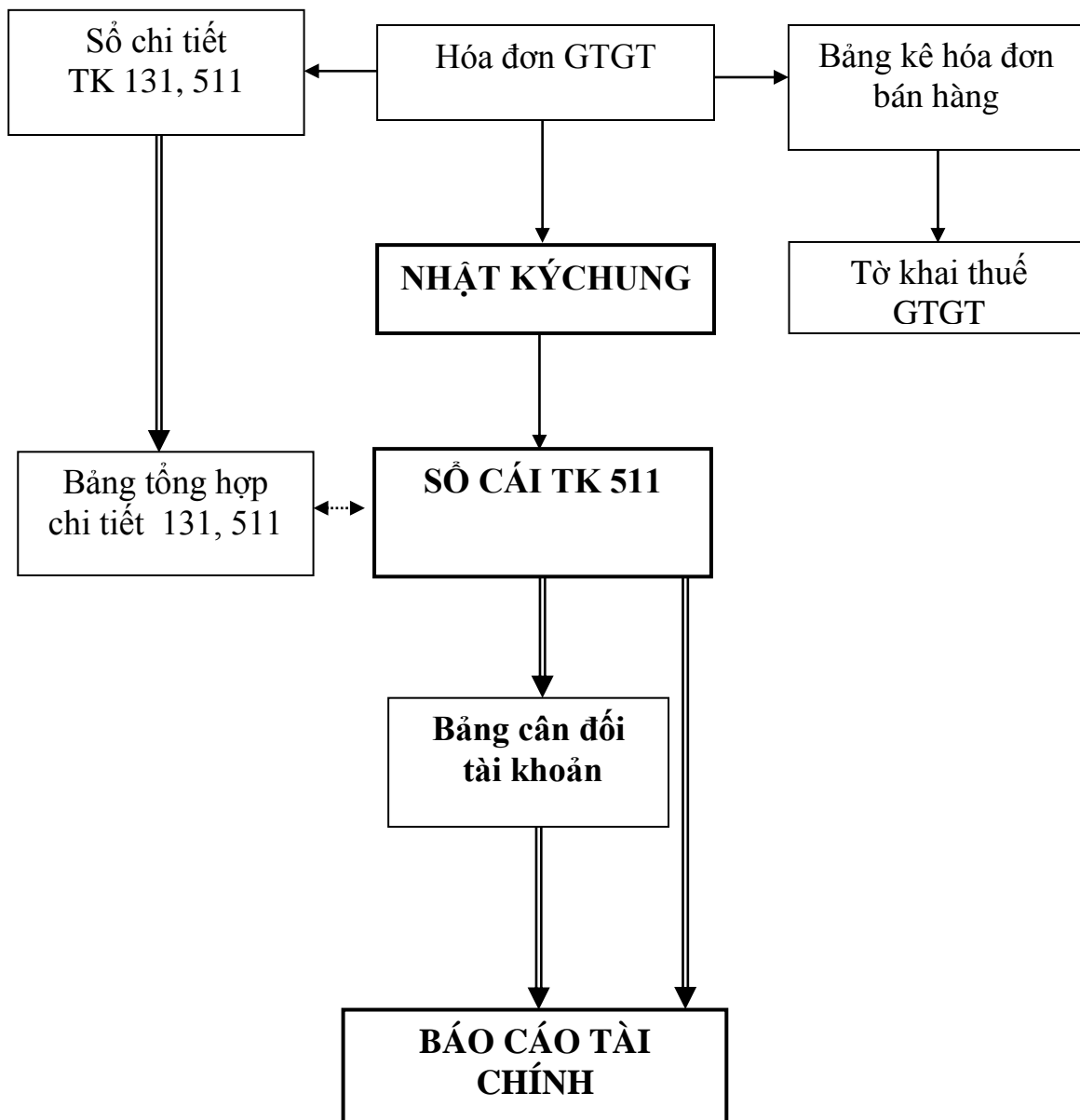
....

- Tài khoản 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước
- Tài khoản 111, 112, 131

Và các tài khoản khác có liên quan

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Công tác kế toán được mô tả theo trình tự luân chuyển chứng từ sau:



Sơ đồ 2.4. Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

Ghi chú:

- ✓ Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- ✓ Ghi cuối tháng(định kỳ) : \Longrightarrow
- ✓ Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

- Doanh thu bán hàng tại công ty được ghi nhận khi phát sinh các nghiệp vụ bán hàng. Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc như hóa đơn bán lẻ, hóa đơn GTGT đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán tiến hành ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 511, 131, ... Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết TK 511, 131.

- Cuối tháng, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa 1: Trích nghiệp vụ bán hàng của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc phát sinh trong tháng 12/2012 như sau:

Ngày 31/12/2012, xuất bán 85 cây thép vằn D12 cho công ty TNHH xây dựng Hằng Hà với số tiền 13.090.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Công ty TNHH Xây Dựng Hằng Hà đã thanh toán bằng tiền mặt.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 31 tháng 12 năm 2012			Mẫu số:01GTKT -3LL AA/12P Số:0059773														
Đơn vị bán hàng:...CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ NAM BẮC.....																	
Địa chỉ:..... Số 3-Mê Linh- Lê Chân- Hải Phòng.....																	
Số tài khoản:...0231200025368_ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam...																	
Điện thoại: 0313.798144.....MS: <table><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>2</td><td>6</td><td>0</td><td>4</td><td>2</td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	4	2	6	0	4	2		
0	2	0	0	4	2	6	0	4	2								
Họ tên người mua hàng:.....Anh Nguyễn Văn Phong.....																	
Tên đơn vị :.....Công ty TNHH XD Hằng Hà.....																	
Địa chỉ: số 35 - Trần Thành Ngọ - Kiến An - HP.....																	
Số tài khoản:																	
Hình thức thanh toán:..Tiền mặt...MS: <table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																	
TT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
1	2	3	4	5	6=4x5												
01	Thép vằn D12	Cây	85	154.000	13.090.000												
Cộng tiền hàng:					13.090.000												
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT: 1.309.000														
Tổng cộng thanh toán:					14.399.000												
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng chẵn.																	
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)														
(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_ 2012)																	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 090/12

Nợ 111: 14.399.000

Có 511: 13.090.000

Có 3331: 1.309.000

Họ và tên người nộp tiền: Anh Nguyễn Văn Phong

Địa chỉ: Công ty TNHH XD Hàng Hà

Lý do nộp: Thu tiền bán thép

Số tiền: 14.399.000...(viết bằng chữ) Mười bốn triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):)Mười bốn triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng chẵn.

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_ 2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.1

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S17_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 511 – 51122
Tên sản phẩm: Thép cây vằn D12
Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Các khoản khác
...		
0059762	27/12	Bán cho TNHH Hoàng Long	111	50	154.000	7.700.000		
0059763	27/12	Bán cho đại lý Minh Thanh	111	15	154.000	2.310.000		
0059765	28/12	Bán cho CP Trung Thành	131	40	154.000	6.160.000		
...		
0059773	31/12	Bán cho công ty TNHH XD Hằng Hà	111	85	154.000	13.090.000		
...		
		Cộng		27.719		4.246.520.150		

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_ 2012)

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Biểu 2.2

**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG
THEO TỪNG NHÓM MẶT HÀNG**

Số hiệu TK: 511- 5112
Tên sản phẩm: Thép

Số thứ tự	Số hiệu tài khoản	Diễn giải	Số lượng	Số tiền		Ghi chú
				Nợ	Có	
1	51121	Thép cây vằn D10	14.643	2.198.032.275	2.198.032.275	
2	51122	Thép cây vằn D12	27.719	4.246.520.150	4.246.520.150	
3	51123	Thép cây vằn D14	3.800	608.762.927	608.762.927	
4	51124	Thép cây vằn D16	1.562	257.852.727	257.852.727	
....	
		Cộng	55.530	8.562.732.489	8.562.732.489	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG
Số hiệu TK: 511

Đơn vị tính: VND

Số thứ tự	Số hiệu tài khoản	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	5111	Doanh thu bán sắt	2.432.825.150	2.432.825.150	
2	5112	Doanh thu bán thép	8.562.732.489	8.562.732.489	
3	5113	Doanh thu bán gạch	856.742.506	856.742.506	
4	5114	Doanh thu bán cát	745.906.520	745.906.520	
...	
		Tổng cộng	13.926.425.628	13.926.425.628	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.4

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03a_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
....
17/12	17/12	PBC586	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB	112	1.364.500	
				515		1.364.500
...
31/12	31/12	PC78/12	Chi tiền điện thoại văn phòng	642	1.120.460	
				133	112.046	
				111		1.232.506
31/12	31/12	HD GTGT 0059772	Bán gạch lỗ cho công ty Kim Khánh	111	1.980.000	
				511		1.800.000
				3331		180.000
31/12	31/12	HD GTGT 0059773	Bán thép D12 cho công ty Hàng Hà	111	14.399.000	
				5111		13.090.000
				3331		1.309.000
31/12	31/12	PBN 1201	Trả lãi ngân hàng Techcombank	635	485.932	
				112		485.932
...
			Cộng SPS		133.956.258.075	133.956.258.075

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.5

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03b_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 511

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
.....
27/12	27/12	HĐ GTGT 0059762	Bán thép D12 cho công ty Hoàng Long	111		7.700.000
27/12	27/12	HĐ GTGT 0059763	Bán thép D12 cho đại lý Minh Thanh	111		2.310.000
27/12	27/12	HĐ GTGT 0059764	Bán gạch đặc thủ công cho khách lẻ	111		1.050.000
28/12	28/12	HĐ GTGT 0059765	Bán thép D12 cho công ty Trung Thành	131		6.160.000
.....
31/12	31/12	HĐ GTGT 0059772	Bán gạch lỗ cho c.ty Kim Khánh	111		1.800.000
31/12	31/12	HĐ GTGT 0059773	Bán thép D12 cty TNHH XD Hằng Hà	111		13.090.000
...
31/12	31/12	PKT01/12	Kết chuyển doanh thu	911	13.926.425.628	
			Cộng SPS		13.926.425.628	13.926.425.628
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

2.2.2.2. Thực trạng kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

❖ **Phương pháp tính giá vốn hàng bán:**

- Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn mua hàng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 632 - *Giá vốn hàng bán*

TK 632 được kế toán công ty sử dụng để theo dõi trị giá vốn của các hàng hóa xuất bán trong kỳ và được theo dõi thành 5 tài khoản cấp 2 tương ứng với từng nhóm hàng hóa mà công ty cung cấp:

TK 6321: Giá vốn bán sắt

TK 6322: Giá vốn bán các loại thép

TK 6323: Giá vốn bán các loại gạch

TK 6324: Giá vốn bán cát

TK 6325: Giá vốn bán các loại VLXD khác.

Trong đó, mỗi mặt hàng lại được mở chi tiết để theo dõi tiếp:

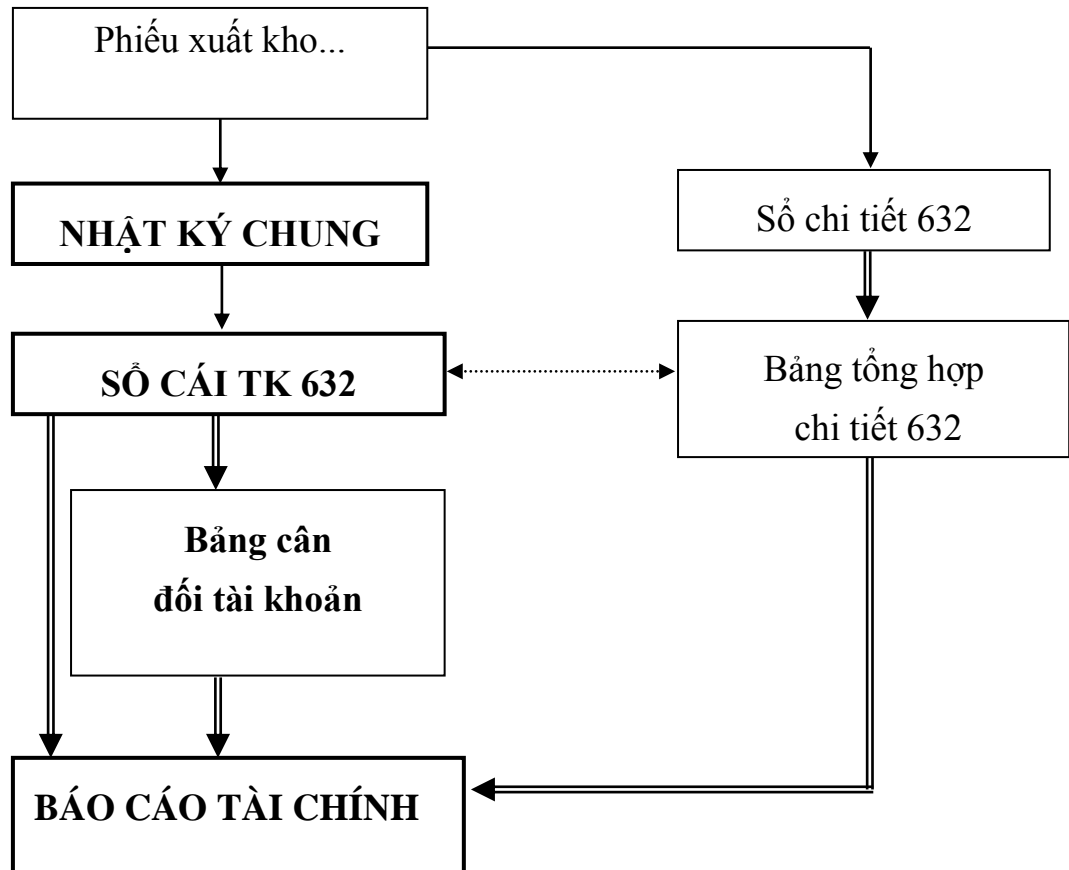
+ TK 63221: Giá vốn bán thép D10

+ TK 63222: Giá vốn bán thép D12

+ TK 63223: Giá vốn bán thép D14...

- Tài khoản 156 - Hàng hóa

❖ *Quy trình luân chuyển chứng từ*



Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

Ghi chú:

- ✓ Ghi hàng ngày: —————→
- ✓ Ghi cuối tháng: =====>
- ✓ Đối chiếu, kiểm tra <----->

Quay trở lại ví dụ minh họa1:

Ngày 31/12/2012, xuất bán 85 cây thép vằn D12 cho công ty TNHH xây dựng Hằng Hà với số tiền 13.090.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% . Công ty TNHH Xây Dựng Hằng Hà đã thanh toán bằng tiền mặt.

- Công ty xác định trị giá hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh:
+ Tình hình nhập xuất tồn Thép cây vằn D12 trong tháng 12 năm 2012 như sau:

Ngày 15/12, nhập kho 1.300 cây thép vằn D12, trị giá nhập 181.246.000 đồng.

Ngày 31/12, xuất bán cho Công ty TNHH Xây Dựng Hằng Hà 85 cây thép vằn D12: (Lô hàng xuất bán nhập vào ngày 15/12)

Đơn giá xuất kho ngày 31/12 cho công ty TNHH Xây Dựng Hằng Hà:

Đơn giá = $181.246.000 / 1.300 = 139.420$ đồng/cây

Trị giá xuất ngày 31/12 = $85 \times 139.420 = 11.850.700$ đồng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số phiếu: 81/12

Nợ TK 632: 11.850.700

Có TK 156 : 11.850.700

Họ và tên người nhận: Anh Nguyễn Văn Phong - Công ty TNHH XD Hằng Hà

Lí do xuất: Xuất bán

Xuất tại kho: Công ty TNHH TM và DV Nam Bắc

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất SP, VTHH	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4=1x2
01	Thép vằn D12		Cây	85	85	139.420	11.850.700
Cộng: 11.850.700							
Tổng số tiền: (viết bằng chữ) Mười một triệu tám trăm lăm mươi nghìn bảy trăm đồng chẵn.							

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập **Người giao hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Biểu 2.6

Mẫu số S18_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK: 632 – 63222

Tên sản phẩm: Thép cây vằn D12

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn hàng bán			
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
.....
PXK36/12	27/12	Bán cho công ty Hoàng Long	156	50	139.420	6.971.000	6.971.000
PXK37/12	27/12	Bán cho đại lý Minh Thanh	156	15	139.420	2.091.300	2.091.300
PXK39/12	28/12	Bán cho công ty CP Trung Thành	156	40	139.420	5.576.800	5.576.800
.....
PXK81/12	31/12	Bán cho công ty TNHH XD Hằng Hà	156	85	139.420	11.850.700	11.850.700
.....
		Cộng		27.719		3.456.250.302	3.456.250.302

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Biểu 2.7

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN
THEO TỪNG NHÓM MẶT HÀNG**

TK: 632 -6322

Tên sản phẩm: Thép

STT	Số hiệu tài khoản	Tên sản phẩm	Số lượng	Số tiền		Ghi chú
				Nợ	Có	
1	63221	Thép cây vằn D10	14.643	2.010.198.320	2.010.198.320	
2	63222	Thép cây vằn D12	27.719	3.456.250.302	3.456.250.302	
3	63223	Thép cây vằn D14	3.800	563.160.570	563.160.570	
4	63224	Thép cây vằn D16	1.562	239.142.506	239.142.506	
...	
		Cộng	55.530	7.370.108.280	7.370.108.280	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.8

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK: 632

Tên sản phẩm: Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VND

<i>STT</i>	<i>Số hiệu tài khoản</i>	<i>Tên sản phẩm</i>	<i>Số tiền</i>		<i>Ghi chú</i>
			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>	
1	6321	Sắt	1.985.162.902	1.985.162.902	
2	6322	Thép	7.370.108.280	7.370.108.280	
3	6323	Gạch	583.172.845	583.172.845	
4	6324	Cát	306.829.405	306.829.405	
...	
		Tổng cộng	9.542.246.980	9.542.246.980	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.9

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03a_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
....
17/12	17/12	PBC586	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB	112	1.364.500	
				515		1.364.500
....
31/12	31/12	PC078/12	Chi tiền điện thoại văn phòng	642	1.120.460	
				133	112.046	
				111		1.232.506
31/12	31/12	PXK81/12	Xuất bán hàng công ty Hàng Hà	632	11.850.700	
				156		11.850.700
31/12	31/12	HĐ GTGT 0059773	Bán thép D12 cho công ty TNHH XD Hàng Hà	111	14.399.000	
				5111		13.090.000
				3331		1.309.000
31/12	31/12	PBN1201	Trả lãi ngân hàng Techcombank	635	485.932	
				112		485.932
...
			Cộng PS		133.956.258.075	133.956.258.075

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.10

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03b_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
.....
27/12	27/12	PXK36/12	Bán thép D12 cho công ty Hoàng Long	156	6.971.000	
27/12	27/12	PXK37/12	Bán thép D12 cho đại lý Minh Thanh	156	2.091.300	
27/12	27/12	PXK38/12	Bán gạch đặc thủ công cho khách lẻ	156	795.000	
28/12	28/12	PXK39/12	Bán thép D12 cho CP Trung Thành	156	5.576.800	
28/12	28/12	PXK40/12	Bán cát xây công ty Lan Anh	156	1.472.000	
.....
31/12	31/12	PXK80/12	Bán gạch lỗ cho công ty Kim Khánh	156	1.535.000	
31/12	31/12	PXK81/12	Bán thép D12 cho công ty Hằng Hà	156	11.850.700	
...
31/12	31/12	PKT02/12	Kết chuyển giá vốn	911		9.542.246.980
			Cộng SPS		9.542.246.980	9.542.246.980
			Số dư cuối kỳ			

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.2.3 Thực trạng kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh năm 2012 của công ty TNHH TM và DV Nam Bắc là từ hoạt động gửi tiền vào tài khoản ngân hàng, hưởng chiết khấu thanh toán do thanh toán sớm.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

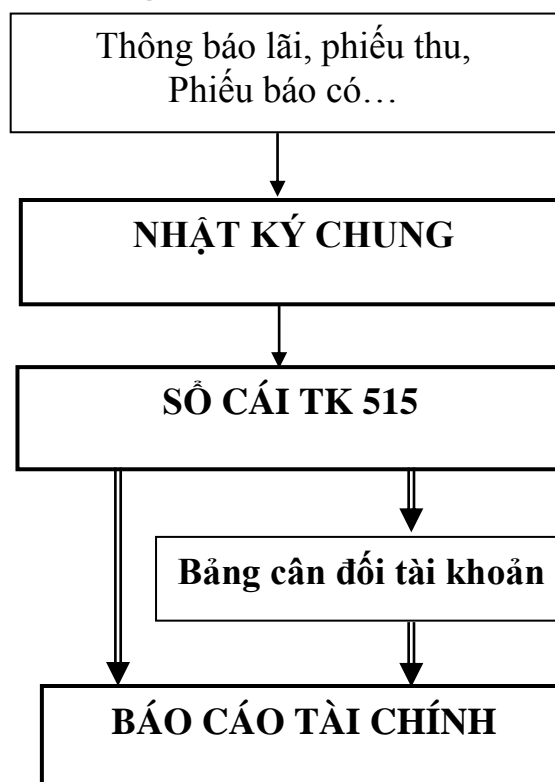
- Phiếu báo có
- Sao kê tài khoản ngân hàng
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Và các TK liên quan: TK 112...

❖ **Quy trình luân chuyển chứng từ**



Sơ đồ 2.6. Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

Ghi chú:

- ✓ Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- ✓ Ghi cuối tháng(định kỳ) : \Longrightarrow

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 515.

- Cuối tháng, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa 2 :

Ngày 31/12/2012 công ty nhận được phiếu báo có số 1201 về khoản lãi tiền gửi ngân hàng Vietcombank được hưởng, số tiền là 825.300 đồng.

	VIETCOMBANK	NGÂN HÀNG CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM						
PHIẾU BÁO CÓ								
Số/ Seq No : 1201								
Ngày/date : 31/12/2012								
Kính gửi : Công ty TNHH TM và DV Nam Bắc	Số tài khoản : 0231200025368							
Địa chỉ : Số 3 Mê Linh Lê Chân HP	Loại tiền : VND							
Mã số thuế: 0200426042	Loại tài khoản: TIEN GUI THANH							
Số ID khách hàng: 20426298	TOAN							
	Số bút hạch toán: 200100265							
Chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:								
<table><tr><th>Nội dung</th><th>Số tiền</th></tr><tr><td>Trả lãi tiền gửi</td><td>825.300</td></tr><tr><td>Tổng số tiền</td><td>825.300</td></tr></table>			Nội dung	Số tiền	Trả lãi tiền gửi	825.300	Tổng số tiền	825.300
Nội dung	Số tiền							
Trả lãi tiền gửi	825.300							
Tổng số tiền	825.300							
Số tiền bằng chữ	: Tám trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm đồng chẵn.							
Trích yếu	: Trả lãi số dư trên tài khoản - tháng 12/2012							
Lập phiếu	Kiểm soát	Kế toán trưởng						

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.11

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03a_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG **Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
....
17/12	17/12	PBC586	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB	112	1.364.500	
				515		1.364.500

31/12	31/12	PC078/12	Chi tiền điện thoại văn phòng	642	1.120.460	
				133	112.046	
				111		1.232.506
31/12	31/12	PXK81/12	Xuất bán hàng cho TNHH XD Hàng Hà	632	11.850.700	
				156		11.850.700
31/12	31/12	HD GTGT 0059773	Bán thép D12 cho công ty Hàng Hà	111	14.399.000	
				5111		13.090.000
				3331		1.309.000
31/12	31/12	PBC1201	Thu tiền lãi từ ngân hàng Vietcombank	112	825.300	
				515		825.300
...
			Cộng PS		133.956.258.075	133.956.258.075

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Đóng dấu, ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.12

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03b_DNN
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
.....
17/12	17/12	PBC586	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB	112		1.364.500
....
31/12	31/12	PBC1201	Thu tiền lãi từ Ngân hàng Vietcombank	112		825.300
.....
31/12	31/12	PKT01/ 12	Kết chuyển DT hoạt động tài chính	911	35.236.045	
			Cộng SPS		35.236.045	35.236.045
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

2.2.2.4. Thực trạng kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.

Chi phí hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là lãi vay ngân hàng, vay các tổ chức đối tượng khác. Hàng tháng công ty nhận được Phiếu báo nợ của Ngân hàng về lãi phải trả làm căn cứ để viết sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 635,112...

❖ ***Chứng từ kế toán sử dụng***

- Phiếu báo nợ
- Sao kê chi tiết tài khoản của Ngân hàng
- Sổ kế toán chi tiết của Ngân hàng

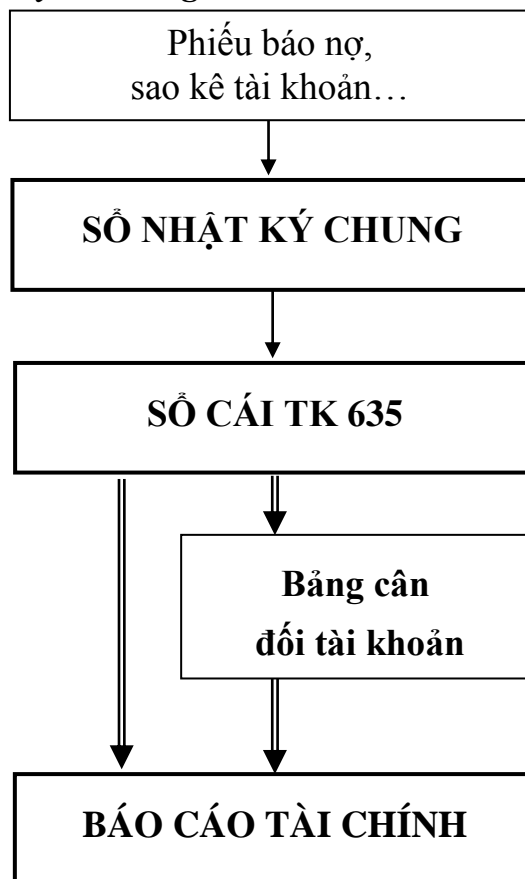
Và các chứng từ khác có liên quan

❖ ***Tài khoản kế toán sử dụng***

TK 635 - chi phí hoạt động tài chính

Và các tài khoản khác liên quan: TK 112

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ



Sơ đồ 2.7. Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

Ghi chú:

- ✓ Ghi hàng ngày: —————→
- ✓ Ghi cuối tháng: =====>

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 635.

- Cuối tháng, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa 3:

Ngày 31/12/2012, Công ty trả lãi vay ngân hàng Techcombank, số tiền 485.932 đồng.



Mã GDV: 035

Mã KH: 1360

Số: 1204

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 1020100019261

Số tiền bằng số : 485.932

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn.

Nội dung: Công ty TNHH TM và DV Nam Bắc trả lãi ngân hàng.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.13

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03a_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
....
21/12	21/12	PBN 102	Trả lãi vay ngân hàng VIB	635	625.018	
				112		625.018

31/12	31/12	PC078/12	Chi tiền điện thoại văn phòng	642	1.120.460	
				133	112.046	
				111		1.232.506
31/12	31/12	P XK81/12	Xuất bán hàng cho TNHH XD Hằng Hà	632	11.850.700	
				156		11.850.700
31/12	31/12	HĐ GTGT 0059773	Bán thép D12 cho c.ty TNHH XD Hằng Hà	111	14.399.000	
				5111		13.090.000
				3331		1.309.000
31/12	31/12	PBN1204	Trả lãi vay ngân hàng Techcombank	635	485.932	
				112		485.932
...
			Cộng PS		133.956.258.075	133.956.258.075

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.14

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03b_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 635

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
....
21/12	21/12	PBN102	Trả lãi ngân hàng VIB	112	625.018	
....
31/12	31/12	PBN1204	Trả lãi Ngân hàng Techcombank	112	485.932	
.....
31/12	31/12	PKT 02/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		20.498.560
			Cộng SPS		20.498.560	20.498.560
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

2.2.2.5 Thực trạng kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.

Chi phí quản lý kinh doanh dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý kinh doanh của công ty bao gồm các khoản sau:

- Chi phí lương phân bổ cho bộ phận quản lý và bộ phận bán hàng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Chi phí mua ngoài bao gồm: Chi phí vận chuyển bốc xếp, tiền điện, nước, điện thoại phục vụ công tác bán hàng. Chi phí xăng dầu, cầu đường, ông tác phí, điện thoại... phục vụ công tác quản lý.
- Chi phí bằng tiền mặt khác: Các khoản chi không thuộc nội dung trên, được chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc tiền tạm ứng.
- Trường hợp chi phí phát sinh liên quan tới lô hàng bán theo phương thức vận chuyển thẳng thì mọi chi phí phát sinh liên quan đều ghi vào giá vốn thực tế của hàng vận chuyển đã bán.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ theo bộ phận
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán, Giấy tạm ứng...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

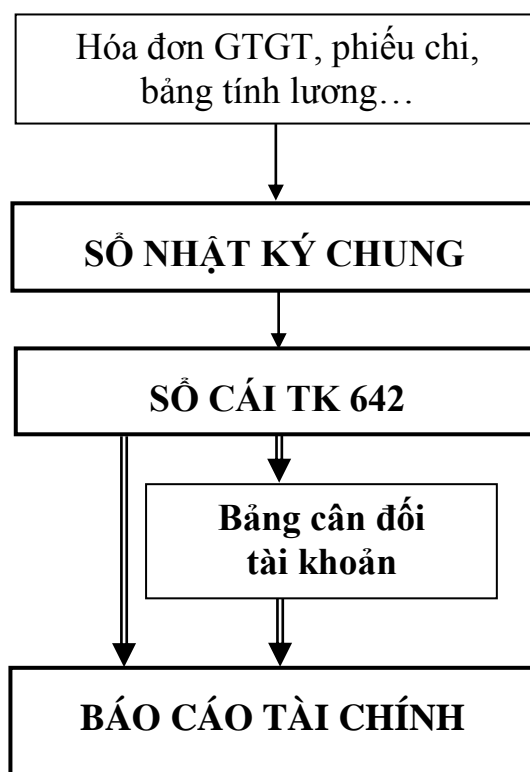
TK 642 và mở các TK chi tiết cho TK 642

TK 6421 - *Chi phí bán hàng*

TK 6422 - *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Các TK liên quan: TK 111, 112, 131, 133, ..

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ



Sơ đồ 2.8. Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

Ghi chú:

- ✓ Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- ✓ Ghi cuối tháng(định kỳ) : \Longrightarrow

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 642.

- Cuối tháng, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa 4:

Ngày 31/12/2012, chi tiền điện thoại bộ phận bán hàng 1.232.506 đồng

Ngày 31/12/2012, chi tiền tiếp khách phục vụ quản lý 2.200.000 đồng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03

Ký hiệu: AC/12P

Số: 0645978

Mã số:

TT Dịch vụ khách hàng - VTHP - Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (customer's name): Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.

Địa chỉ (address): 3 - Mê Linh - Lê Chân - Hải Phòng.....

Số điện thoại (tell): 0313.798144.....Mã số (code).....

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK.....

Dịch vụ sử dụng (kind of service)	Thành tiền (amount)
KỶ HÓA ĐƠN THÁNG 12/2012	
a, Cước dịch vụ viễn thông	1.120.460
b, Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c, Chiết khấu + đa dịch vụ	0
d, Khuyến mại	0
e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ(1)	1.120.460
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT (2)	112.046
(1+2+ e) Tổng cộng tiền thanh toán	1.232.506

Số tiền viết bằng chữ: *Một triệu hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm linh sáu đồng chẵn.*

Ngày..31...tháng 12...năm ..2012...

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch ký

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 078/12

Nợ 642: 1.120.460 đ

Nợ 133: 112.046 đ

Có 111: 1.232.506 đ

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Hà Vy

Địa chỉ: Phòng kế toán.

Lý do : Chi tiền điện thoại văn phòng.

Số tiền: 1.232.506 VND (viết bằng chữ) Một triệu hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm linh sáu đồng chẵn.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm linh sáu đồng chẵn.

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 31 tháng 12 năm 2012		Mẫu số: 01GTKT-3LL QU/12B Số: 0003178												
Đơn vị bán hàng: ... Công ty TNHH Hoàng Yên..... Địa chỉ: 89 - Điện Biên Phủ - Hải Phòng..... Số tài khoản: ...012063150892..... Điện thoại: 0313.750632..... MS:0200126842.....														
Họ tên người mua hàng: Anh Nguyễn Quốc Việt..... Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM BẮC..... Địa chỉ: 3 - Mê Linh - Lê Chân- Hải Phòng Số tài khoản:0231200025368_ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam..... Hình thức thanh toán: ..Tiền mặt...MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">2</td> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">4</td> <td style="width: 20px;">2</td> <td style="width: 20px;">6</td> <td style="width: 20px;">0</td> <td style="width: 20px;">4</td> <td style="width: 20px;">2</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>			0	2	0	0	4	2	6	0	4	2		
0	2	0	0	4	2	6	0	4	2					
TT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền									
1	2	3	4	5	6=4x5									
01	Chi phí tiếp khách				2.000.000									
Cộng tiền hàng: 2.000.000														
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 200.000									
Tổng cộng thanh toán: 2.200.000														
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn/.														
Ngày 31 tháng 12 năm 2012														
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)											
(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_ 2012)														

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 077/12
Nợ 642: 2.000.000 đ
Nợ 133: 200.000 đ
Có 111: 2.200.000 đ

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Tiệp

Địa chỉ: Công ty TNHH Hoàng Yến

Lý do : Chi tiền tiếp khách

Số tiền: 2.200.000 VND (*viết bằng chữ*) Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (*viết bằng chữ*): Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.15

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số: 06 - TSCĐ
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO

Tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Tỷ lệ KH % / Tg sử dụng	Nơi sử dụng		Tài khoản 642- chi phí quản lí kinh doanh
			Toàn DN		
			NG	Số khấu hao	
A	B	1	2	3	4
01	I-Số KH tháng trước		1.622.412.760	7.163.867	7.163.867
	- Xe ô tô hiệu Mazda	12	325.562.025	3.255.620	3.255.620
	-Máy tính xách tay Dell	2	25.142.547	41.904	41.904
	-Máy điều hòa Panasonic	5	15.500.000	64.583	64.583

02	II-Số KH TSCĐ tăng trong tháng	12	200.000.000	1.666.667	1.666.667
	-Xe ô tô tải Vinaxuki	12	200.000.000	1.666.667	1.666.667
03	III-Số KH TSCĐ giảm trong tháng				
04	IV- số KH TSCĐ trích tháng này (IV=I+II-III)		1.822.412.760	8.830.534	8.830.534

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.16

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03a_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
...
31/12	31/12	PC077/12	Chi tiền tiếp khách	642	2.000.000	
				133	200.000	
				111		2.200.000
31/12	31/12	PC078/12	Chi tiền điện thoại văn phòng	642	1.120.460	
				133	112.046	
				111		1.232.506
31/12	31/12	BTLL T12	Tiền lương trả cán bộ công nhân viên	642	60.271.559	
				334		60.271.559
31/12	31/12	BTLL T12	Trích các khoản theo lương	642	13.862.459	
				334	5.725.798	
				338		19.588.257
31/12	31/12	PC090/12	Trả lương nhân viên	334	54.545.761	
				111		54.545.761
31/12	31/12	KHTS/12	Tính khấu hao TSCĐ Tháng 12	642	8.830.534	
				214		8.830.534
...
			Cộng PS		133.956.258.075	133.956.258.075

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.17

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03b_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
.....
31/12	31/12	PC077/12	Chi phí tiền tiếp khách	111	2.000.000	
31/12	31/12	PC078/ 12	Chi tiền điện thoại văn phòng	111	1.120.460	
31/12	31/12	BTLL T12	Tiền lương trả cán bộ công nhân viên	334	60.271.559	
31/12	31/12	BTTL T12	Trích các khoản theo lương	338	13.862.459	
31/12	31/12	KHTS/12	Tính khấu hao TSCĐ Tháng 12	214	8.830.534	
...
31/12	31/12	PKT02/12	Kết chuyển chi phí QLKD	911		958.260.725
			Cộng SPS		958.260.725	958.260.725
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

2.2.2.6. Thực trạng Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.**2.2.2.6.1 . Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Sau khi tập hợp chi phí, doanh thu, xác định doanh nghiệp có lãi, kế toán doanh nghiệp tiến hành xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2012, công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%

$$\begin{array}{ccccc} \text{Chi phí thuế} & & \text{Lợi nhuận kế} & & \text{Thuế suất} \\ \text{TNDN} & = & \text{toán trước} & \times & \text{thuế TNDN} \\ & & \text{thuế} & & \end{array}$$

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

Cách lập phiếu kế toán: Cuối kì tập hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 821: “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”
- TK 3334: “ Thuế thu nhập doanh nghiệp”

Và các tài khoản khác liên quan

2.2.2.6.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh**❖ Chứng từ kế toán sử dụng**

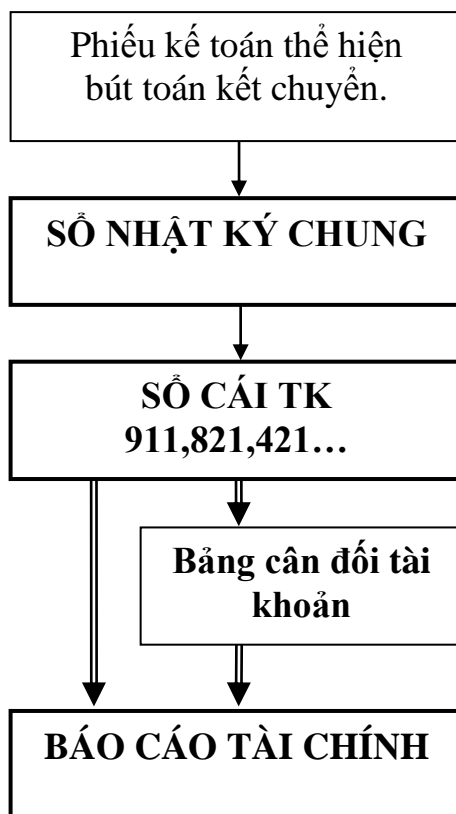
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng.

TK 911: “Xác định kết quả kinh doanh”

TK 421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ



Sơ đồ 2.9. Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

Ghi chú:

✓ Ghi hàng ngày: \longrightarrow

✓ Ghi cuối tháng(định kỳ) : \Longrightarrow

Cuối mỗi tháng, kế toán tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí, kết chuyển sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh:

+ Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập – Tổng chi phí) > 0 (Bên Nợ TK 911 < Bên Có TK 911)

\Rightarrow Công ty có lãi, Số chênh lệch được kết chuyển sang bên có của TK 421.

+ Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập – Tổng chi phí) = 0 (Bên Nợ TK 911 = Bên Có TK 911)

\Rightarrow Công ty hòa vốn.

+ Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) < 0 (Bên Nợ TK 911 > Bên Có TK 911)

\Rightarrow Công ty bị lỗ, số chênh lệch chuyển sang bên Nợ của TK 421.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.18

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 01/12

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c doanh thu bán hàng	511	911	13.926.425.628
2	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515	911	35.236.045
	Tổng			13.961.661.673

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Biểu 2.19

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 02/12

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c giá vốn hàng bán	911	632	9.542.246.980
2	K/c chi phí tài chính	911	635	20.498.560
3	K/c chi phí quản lý kinh doanh	911	642	958.260.725
	Tổng			12.521.006.265

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.20

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC

Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 03/12

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
4	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	860.163.852
	Tổng			860.163.852

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Biểu 2.21

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC

Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 04/12

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
5	K/c chi phí thuế TNDN	911	821	860.163.852
	Tổng			860.163.852

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Biểu 2.22

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC

Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 05/12

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
6	K/c lợi nhuận sau thuế	911	421	2.580.491.556
	Tổng			2.580.491.556

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.23

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03a_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
.....
31/12	31/12	PKT01/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	13.926.425.628	
				911		13.926.425.628
31/12	31/12	PKT01/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	35.236.045	
				911		35.236.045
31/12	31/12	PKT02/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	9.542.246.980	
				632		9.542.246.980
31/12	31/12	PKT02/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	20.498.560	
				635		20.498.560
31/12	31/12	PKT02/12	Kết chuyển chi phí QLKD	911	958.260.725	
				642		958.260.725
31/12	31/12	PKT03/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	860.163.852	
				3334		860.163.852
31/12	31/12	PKT04/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	860.163.852	
				821		860.163.852
31/12	31/12	PKT05/12	Lợi nhuận chưa phân phối	911	2.580.491.556	
				421		2.580.491.556
			Cộng PS		133.956.258.075	133.956.258.075

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.24

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03a_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 911

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
31/12	31/12	PKT 01/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		13.926.425.628
31/12	31/12	PKT 01/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		35.236.045
31/12	31/12	PKT 02/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	9.542.246.980	
31/12	31/12	PKT 02/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	20.498.560	
31/12	31/12	PKT 02/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	958.260.725	
31/12	31/12	PKT 04/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	860.163.852	
31/12	31/12	PKT 05/12	Lợi nhuận chưa phân phối	421	2.580.491.556	
			Cộng số phát sinh		13.961.661.673	13.961.661.673
			Số dư cuối kỳ			

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.25

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03b_DNN
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 821

Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
31/12	31/12	PKT 03/12	Thuế TNDN nộp	3334	860.163.852	
31/12	31/12	PKT 04/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		860.163.852
			Cộng số phát sinh		860.163.852	860.163.852
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.26

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03b_DNN
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 421

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
31/12	31/12	PKT 05/12	Kết chuyển lãi	911		2.580.491.556
			Cộng số phát sinh			2.580.491.556
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.27

Mẫu số: B02-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định số

48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006

của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH **Năm 2012**

Người nộp thuế : Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

Mã số thuế

0 2 0 0 4 2 6 0 4 2

Địa chỉ trụ sở : Số 3 Mê Linh Hải Phòng

Quận, Huyện : Lê Chân

Điện thoại: 0313798144

Fax: 0313.798550

Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng

Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13.926.425.628	12.727.566.640
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (12 = 01 - 02)	12	13.926.425.628	12.727.566.640
4	Giá vốn hàng bán	11	9.542.246.980	9.181.459.290
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 12 - 11)	20	4.384.178.648	3.546.107.350
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	35.236.045	26.987.896
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	20.498.560	18.987.500
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24	958.260.725	786.759.300
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 + 21 - 22 - 24)	30	3.440.655.408	2.767.348.446
12	Thu nhập khác	31	-	-
11	Chi phí khác	32	-	-
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	-	-
13	Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50	3.440.655.408	2.767.348.446
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	860.163.852	691.837.112
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	2.580.491.556	2.075.511.334

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH
THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM BẮC****3.1. Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc**

Ngay từ khi mới thành lập Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc cũng đã có rất nhiều cố gắng và sự nỗ lực hết mình để có được chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Trong nhiều năm qua công ty đã không ngừng vươn lên, quá trình hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp đã đạt được kết quả đáng khích lệ với hoạt động chủ yếu về kinh doanh các mặt hàng như: sắt, thép... Công ty đã không ngừng mở rộng về quy mô cả về bề rộng lẫn bề sâu, để đạt được trình độ quản lý như hiện nay và các kết quả đã có được trong thời gian qua thì đó lại là cả một quá trình phấn đấu không ngừng của ban lãnh đạo và tập thể công nhân viên của toàn công ty.

Việc vận dụng sáng tạo các quy luật kinh tế thị trường đồng thời thực hiện chủ trương cải tiến kinh tế và các chính sách kinh tế của đã đạt được những thành tựu đáng kể, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên.

3.1.1. Ưu điểm

Nhìn chung công tác kế toán ở công ty đã dựa trên căn cứ khoa học, đặc điểm tình hình thực tế của công ty và vận dụng một cách sáng tạo chế độ kế toán tài chính hiện hành. Đảm bảo được tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác liên quan.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán tại công ty tổ chức theo mô hình tập trung hiện nay là khá

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Tuy chỉ có 5 thành viên kế toán nhưng vẫn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phần hành. Thực hiện nghiêm túc với ngân sách Nhà nước về các khoản nộp. Tiến hành quản lý hạch toán với từng khách hàng, xác định được kết quả kinh doanh ở từng thời điểm cụ thể.

Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc. Chính vì vậy nên tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những gian lận, sai sót.

❖ Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung do Bộ tài chính ban hành. Hình thức này áp dụng đối với những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, nó có ưu điểm là dễ dàng trong phân công công tác kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đã tạo điều kiện cho việc phản ánh sự biến động hàng ngày, hàng giờ của hàng hoá không phụ thuộc vào kết quả kiểm kê, việc tính thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT phải nộp cũng đơn giản hơn.

❖ Về chứng từ kế toán và việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ:

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Kế toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

phần hành nào thì lưu trữ chứng từ của phần hành đó, không chồng chéo lên nhau, nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

Quá trình luân chuyển chứng từ diễn ra một cách hợp lý giữa các khâu. Kế toán Công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng và kịp thời.

❖ **Về hệ thống tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ Tài Chính (Hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC) về việc áp dụng chế độ, chuẩn mực kế toán mới, thống nhất trên cả nước. Đồng thời trong quá trình hạch toán, Công ty phản ánh một cách chi tiết cụ thể, thuận tiện và phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm riêng của từng đơn vị.

❖ **Về hệ thống sổ sách:**

Công ty sử dụng hình thức ghi sổ là “Nhật ký chung”, hình thức này khá đơn giản lại phù hợp với mô hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Với sự lựa chọn này, Công ty đã mở một hệ thống sổ sách hoàn chỉnh, có độ tin cậy cao, đảm bảo sự chính xác trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực tế của đơn vị, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý và cung cấp thông tin một cách có hiệu quả.

Công ty sử dụng cả hai loại sổ là: Sổ tổng hợp và Sổ chi tiết cho một số tài khoản, để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

❖ **Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- **Về tổ chức công tác kế toán doanh thu**

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về công tác kế toán chi phí:

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

- Việc hạch toán kê khai thuế được thực hiện khá chặt chẽ:

Công ty thực hiện đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ các mẫu kê khai tính thuế GTGT do nhà nước quy định.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty vẫn còn nhiều tồn tại và bất cập cần khắc phục. Cụ thể:

– **Thứ nhất:** Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán. Việc không áp dụng chiết khấu thương mại của công ty sẽ làm cho doanh thu của công ty giảm đi đáng kể do khách hàng không được hưởng lợi nhiều khi mua hàng với số lượng lớn. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút nhiều khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

– **Thứ hai:** Hiện nay tại công ty, chi phí vận chuyển, giao hàng hóa cho khách hàng được công ty tính vào lương nhân viên vận chuyển hàng theo phương pháp trả lương khoán hàng tháng. Điều này sẽ làm cho việc phân bổ chi phí vận chuyển hàng hóa bị ảnh hưởng vì mỗi tháng, khối lượng hàng hóa tiêu thụ cần được vận chuyển là khác nhau.

– **Thứ ba:** Công ty là một doanh nghiệp thương mại nên các nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt và hàng hóa tại công ty hàng ngày rất lớn, kế toán sẽ gặp khó khăn trong việc theo dõi, quản lý tiền mặt, hàng hóa. Nhưng hiện nay công ty lại không sử dụng các sổ nhật ký đặc biệt để theo dõi riêng các nghiệp vụ thường xuyên phát sinh như sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền, nhật ký mua hàng, bán hàng.

– **Thứ tư:** Hiện nay tại Công ty không tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì Công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng, Công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được.

– **Thứ năm:** Công ty vẫn chưa có phần mềm riêng của mình nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực, công sức... Công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công và thực hiện trên phần mềm Excel. Do vậy, các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các Báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.

Để có thể đứng vững và phát triển trong thị trường đầy biến động và cạnh tranh gay gắt như hiện nay thì bất cứ doanh nghiệp nào cũng phải có một tổ chức quản lý hợp lý, khoa học, có các chính sách phù hợp, các quyết định chính xác hợp lý...để có thể nhanh chóng nắm bắt được cơ hội, nhạy bén trong kinh doanh. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định đúng phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Để làm được điều này, cán bộ quản lý cần phải có những thông tin chính xác, kịp thời đầy đủ, mà những thông tin này được cung cấp bởi bộ phận kế toán của Công ty. Do vậy để đạt được mục tiêu của mình, trước hết Công ty cần phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng hợp lý tài sản của đơn vị mình. Hơn nữa sau khi tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, bộ phận kế toán sẽ lập được báo cáo tài chính, nó sẽ cung cấp đầy đủ, chính xác, rõ ràng các thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của Công ty như nhà đầu tư, nhà quản lý, cơ quan thuế, ngân hàng...để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong tương lai.

Muốn vậy trước hết doanh nghiệp phải thực hiện tốt tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh. Bởi vậy hoàn thiện kế toán xác định kết quả kinh doanh là một yêu cầu cần thiết và vô cùng quan trọng đối với bất kỳ một doanh nghiệp thương mại, dịch vụ nào nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống

kế toán nói chung và kế toán xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

3.2.2. Một số ý kiến đề xuất hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.

Đề xuất 1: Áp dụng các chính sách ưu đãi cho công ty.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng một ngành nghề, lĩnh vực vì vậy việc các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc cũng vậy, hiện nay trên địa bàn Hải Phòng có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực VLXD. Việc công ty không áp dụng chính sách ưu đãi trong bán hàng sẽ phần nào làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, góp phần làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Vì vậy để có thể thu hút được những khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) phù hợp với tình hình tại công ty.

Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại, công ty sử dụng TK5211 - chiết khấu thương mại.

Chiết khấu thương mại do công ty xây dựng phải dựa trên:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Vì không có văn bản quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại và

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

do kinh nghiệm còn hạn chế nên sau khi tham khảo mức chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành, có quy mô tương tự, em xin đưa ra mức chiết khấu tại Công ty TNHH TM & DV Nam Bắc.

Căn cứ vào ngày 15/12/2012 đơn giá nhập thép D12 là 139.420 đồng/cây. Nếu doanh nghiệp nhập hàng với số lượng lớn thì doanh nghiệp được hưởng chiết khấu 10%. Đơn giá nhập thép D12 khi doanh nghiệp được hưởng chiết khấu là 125.478 đồng/cây. Chênh lệch giá sau khi hưởng chiết khấu = $139.420 - 125.478 = 13.942$ đồng/cây. Doanh nghiệp xác định giá bán hiện tại của lô hàng này là 154.000 đồng/cây. Vì vậy, để đảm bảo thu không vượt quá chi thì mức chiết khấu của công ty cho khách hàng không được vượt quá: $9.1\% (=13.942/154.000)$

Em xin đề xuất mức chiết khấu cho công ty như sau:

- Đối với sản phẩm thép cây vằn D12:
 - ✓ Từ 50 cây - 200 cây /1 tháng : chiết khấu 2%
 - ✓ Từ 200 cây trở lên/ 1 tháng: chiết khấu 5%

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211.

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hóa này, không những công ty có thể giữ được những khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 521- Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331- Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112 - Thanh toán ngay

Có TK 131- Phải thu của khách hàng

- Cuối kỳ kết chuyển số tiền CKTM công ty đã chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521- Chiết khấu thương mại.

Ví dụ:

Giả sử công ty áp dụng mức chiết khấu như trên trong tháng 12 năm 2012. Theo đó, vào ngày 31/12/2012 kế toán dựa trên bảng kê hóa đơn chứng từ cung cấp dịch vụ theo khách hàng làm căn cứ chi chiết khấu thương mại cho khách hàng. Dựa trên bảng kê hóa đơn chứng từ cung cấp dịch vụ theo khách hàng công ty sẽ cho Công ty TNHH Vật Liệu Công Nghiệp Hưng Việt hưởng chiết khấu thương mại 2% trên tổng giá thanh toán.

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC

Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Biểu 3.1

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính : VND

Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng	Giá bán	Thành tiền
Ngày tháng	Số hiệu				
Công ty sẽ cho Công ty TNHH Vật Liệu Công Nghiệp Hưng Việt					
16/12	HĐGTGT 0059541	Xuất bán thép cây D12	25	154.000	3.850.000
17/12	HĐGTGT 0059642	Xuất bán thép cây D12	15	154.000	2.310.000
.....
30/12	HĐGTGT 0059770	Xuất bán thép cây D12	15	154.000	2.310.000
		Cộng	120		18.488.000

Số tiền chiết khấu thương mại mà công ty TNHH Vật Liệu Công Nghiệp Hưng Việt được hưởng là:

$$\text{Số tiền chiết khấu} = 2\% \times (18.488.000 \times 1.1)$$

$$= 2\% \times 20.328.000 = 406.560 \text{ (đồng)}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 3.2

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03a_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
....
17/12	17/12	PBC586	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB	112	1.364.500	
				515		1.364.500
...
31/12	31/12	PC 78/12	Chi tiền điện thoại văn phòng	642	1.120.460	
				133	112.046	
				111		1.232.506
31/12	31/12	HĐ GTGT 0059773	Bán thép D12 cho công ty TNHH XD Hàng Hà	111	14.399.000	
				5111		13.090.000
				3331		1.309.000
31/12	31/12	PBN 1204	Trả lãi ngân hàng Techcombank	635	485.932	
				112		485.932
31/12	31/12	PKT...	Số tiền chiết khấu cho Công ty TNHH VLCN Hưng Việt	521	369.600	
				3331	36.960	
				131		406.560
31/12	31/12	PKT...	Kết chuyển chiết khấu thương mại	511	369.600	
				521		369.600
...
			Cộng PS		133.956.258.075	133.956.258.075

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 3.3

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03b_DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 521

Tên TK: Các khoản giảm trừ doanh thu

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
31/12	31/12	PKT..	Số tiền chiết khấu cho công ty TNHH VLCN Hưng Việt	131	369.600	
31/12	31/12	PKT..	Kết chuyển chiết khấu thương mại	511		369.600
			Cộng số phát sinh		369.600	369.600
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc_2012)

Đề xuất 2: Hoàn thiện hạch toán chi phí bán hàng:

Công ty nên tiến hành tách riêng chi phí vận chuyển hàng đi bán với lương nhân viên vận chuyển hàng bán. Cụ thể:

No TK 64218 :

No TK 133 :

Có TK 111, 112 :

Cuối tháng, tập hợp toàn bộ chi phí vận chuyển hàng bán vào TK 642 để kết chuyển sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Vì là một công ty thương mại nên hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt tại công ty tương đối lớn, hoạt động nhập xuất hàng hóa cũng diễn ra thường xuyên, việc công ty không sử dụng một sổ sổ Nhật ký đặc biệt sẽ làm cho doanh nghiệp khó có thể theo dõi lượng tiền và hàng hóa vào, ra trong ngày cũng như nguồn vốn, tài sản của công ty.

Vì vậy công ty nên mở các sổ Nhật ký đặc biệt như sổ Nhật ký thu tiền và Nhật ký chi tiền, Nhật ký mua hàng, Nhật ký bán hàng. Công ty đặc biệt chú trọng việc mở Sổ Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng. Cuối tháng, căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký đặc biệt để vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.

Ví dụ:

- Ngày 27/12, xuất bán thép D12 cho công ty TNHH Hoàng Long, đã thu bằng tiền mặt số tiền 7.700.000 đồng (chưa VAT 10%).
- Ngày 27/12, xuất bán thép D12 cho đại lý Minh Thanh, đã thu bằng tiền mặt số tiền 2.310.000 đồng (chưa VAT 10%).
- Ngày 27/12, xuất bán gạch cho khách lẻ thu bằng tiền mặt, số tiền 1.050.000 đồng (chưa VAT 10%).
- Ngày 28/12, xuất bán thép D12 cho Công ty cổ phần Trung Thành 6.160.000 đồng (chưa VAT 10%) . Trung Thành chưa thanh toán.
- Ngày 31/12, xuất bán gạch cho công ty Kim Khánh, đã thu bằng tiền mặt, số tiền 1.800.000 đồng (chưa bao gồm VAT 10%)
- Ngày 31/12/2012, bán thép D12 cho công ty TNHH XD Hằng Hà với số tiền 13.090.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Công ty Hằng Hà đã thanh toán bằng tiền mặt.

Công ty có thể mở Sổ Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền theo mẫu như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 3.4

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số: S03a4 – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG **Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua (ghi Nợ)	Ghi Có tài khoản DT		
	Số hiệu	Ngày tháng			Hàng hoá	Thành phẩm	Dịch vụ
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số trang trước chuyển sang				
...
27/12	0059762	27/12	Bán thép D12 cho công ty TNHH Hoàng Long	7.700.000	7.700.000		
27/12	0059763	27/12	Bán thép D12 cho đại lý Minh Thanh	2.310.000	2.310.000		
...
31/12	0059773	31/12	Bán thép D12 công ty TNHH Hằng Hà	13.090.000	13.090.000		
			Cộng chuyển sang trang sau				

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 3.5

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC
Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số: S03a1 – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN **Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 111	Ghi có các TK			
	Số hiệu	Ngày tháng			TK 511	TK 3331	Tài khoản khác	
							Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	E
			Số trang trước chuyển sang					
...		
27/12	PT 065/12	27/12	Bán thép D12 cho Minh Thanh	2.531.000	2.310.000	231.000		
27/12	PT 066/12	27/12	Bán gạch cho khách lẻ	1.155.000	1.050.000	105.000		
31/12	PT089/12	31/12	Bán gạch cho Kim Khánh	1.980.000	1.800.000	180.000		
31/12	PT090/12	31/12	Bán thép D12 cho Hằng Hà	14.399.000	13.090.000	1.309.000		
			Cộng chuyển sang trang sau					

Ngày 31.tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đề xuất 4: Thực hiện trích lập các khoản dự phòng tại công ty:

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm đến mức tối thiểu những tổn thất về những khoản phải thu khó đòi có thể xảy ra thì việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi là điều vô cùng cần thiết. Do:

- Các khoản nợ của khách hàng là rất lớn nên nguy cơ giảm giá và mất khả năng thanh toán rất dễ xảy ra.

- Khách hàng của Công ty là những khách hàng thường xuyên với hình thức thanh toán trả chậm nên việc thất thu là không thể tránh khỏi.

Do vậy Công ty nên tiến hành lập khoản dự phòng phải thu khó đòi cho các hoạt động của mình.

❖ Đối với dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

Là một doanh nghiệp thương mại, nên quy mô các khoản phải thu của khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí có nhiều khách hàng mất khả năng thanh toán (theo báo cáo nợ phải thu đến ngày 31/12/2012). Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn của công ty.

Để trích lập các khoản phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK159 "Dự phòng phải thu khó đòi" và chi tiết cho từng khách hàng. Vào cuối niên độ kế toán, kế toán căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được thì phải trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi:

Khi tiến hành trích lập các khoản dự phòng, Công ty cần chú ý:

- + Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có căn cứ xác định các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được.

- + Việc lập dự phòng phải thu khó đòi phải được chi tiết cho từng khách hàng Sau khi tiến hành xong việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi, cuối kỳ kế toán, kế toán tiến hành tập hợp chi phí trên các TK 642 rồi sau đó kết chuyển vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Đối với các khoản nợ được xóa sổ thì căn cứ vào các chứng từ sau: biên bản của hội đồng xử lý nợ, bản kê chi tiết khoản nợ khó đòi, quyết định của

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

tòa án..., quyết định của cấp có thẩm quyền về xử lý số nợ không thu hồi được.

Sau khi tiến hành xóa sổ các khoản nợ không đòi được, kế toán vẫn phải tiến hành theo dõi tối thiểu trong vòng 05 năm và vẫn phải có các biện pháp đòi nợ. Sau này nếu thu hồi được số nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được và ghi nhận:

Nợ TK 111, 112 : Giá trị thực tế thu hồi được

Có TK 711 : Thu nhập khác

Đồng thời tiến hành ghi đơn:

Có TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý

Phương pháp xác định mức dự phòng cần lập:

$$\begin{array}{l} \text{Số dự phòng cần lập} \\ \text{cho niên độ tới của} \\ \text{khách hàng đáng ngờ} \end{array} = \frac{\text{Số nợ phải thu khách hàng đáng ngờ}}{\text{hàng đáng ngờ}} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ ước tính không thu} \\ \text{được của khách hàng} \end{array}$$

Mức trích lập đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

(Theo thông tư 228/TT-BTC ngày 17/12/2009)

Thời gian quá hạn thanh toán (t)	Mức dự phòng cần lập
$6 \text{ tháng} \leq t < 01 \text{ năm}$	30% giá trị nợ phải thu
$01 \text{ năm} \leq t < 02 \text{ năm}$	50% giá trị nợ phải thu
$02 \text{ năm} \leq t < 03 \text{ năm}$	70% giá trị nợ phải thu
$\geq 3 \text{ năm}$	100% giá trị nợ phải thu

Cụ thể đối với Công ty TNHH TM và DV Nam Bắc, căn cứ vào “Báo cáo tình hình công nợ” tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kế toán có thể tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC

Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

Biểu 3.6

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Mã số thuế	Công nợ đến ngày 31/12/2012		Ghi chú
			Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	Cty TNHH TMDV & XD Minh Tân	0202001174	14.065.500		Phát sinh ngày 25/02/2012, quá hạn thanh toán 09 tháng
2	Cty TNHH TMDV & VLXD Đức Thịnh	0202008121	22.150.360		Đang chờ giấy báo có của Ngân hàng
3	Cty TNHH Vật liệu Hoàng Long	0204003073		5.200.000	Khách hàng đặt tiền trước
4	Cty TNHH TM & VLXD Bình An	0204002948	24.150.000		Phát sinh ngày 17/03/2012, quá hạn thanh toán 07 tháng
5	Cty TNHH TM & DV An Thành	0204001652	12.500.000		Phát sinh ngày 12/09/2012, hạn thanh toán 12/12/2012, quá hạn 1 năm 3 tháng
6	Cty TNHH VLCN Hưng Việt	0202006447		4.000.000	Khách hàng đặt tiền trước
7	Khách lẻ			7.800.000	Khách hàng đặt tiền trước
Tổng cộng			72.865.860	17.000.000	

Kế toán trưởng

Kế toán viên

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tính số dự phòng phải thu khó đòi năm 2012:

Số dự phòng phải thu khó đòi = $(14.065.500 + 24.150.000) \times 30\% + 12.500.000 \times 50\% = 17.714.650$ (đồng)

Biểu 3.7

CÔNG TY TNHH TM & DV NAM BẮC

Số 3 Mê Linh Lê Chân Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: ...

Đơn vị tính: VND

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
1	Dự phòng phải thu khó đòi 159	642	159	17.714.650
	Tổng			17.714.650

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Đề xuất 5: Công ty nên thực hiện việc ứng dụng phần mềm kế toán:

Hiện nay công ty vẫn chưa có phần mềm kế toán nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực, công sức... Tuy thực tế hiện nay công ty đã trang bị máy tính cho phòng kế toán nhưng mọi công việc vẫn phải làm thủ công trên excel. Để việc xử lý số liệu và công việc tính toán, tổng hợp dữ liệu trở lên đơn giản, nhanh gọn, thuận tiện và hiệu quả hơn Công ty nên nhanh chóng ứng dụng phần mềm kế toán vào tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Theo em, công ty có thể lựa chọn một số phần mềm kế toán sau:

- Phần mềm kế toán MISA: cụ thể là phần mềm MISA SME.NET 2012.

- + Phần mềm này áp dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, dễ tiếp cận, dễ cài đặt, dễ sử dụng, quy trình hạch toán bằng hình ảnh thân thiện, dễ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

hiều với phim, sách hướng dẫn và trợ giúp trực tuyến.

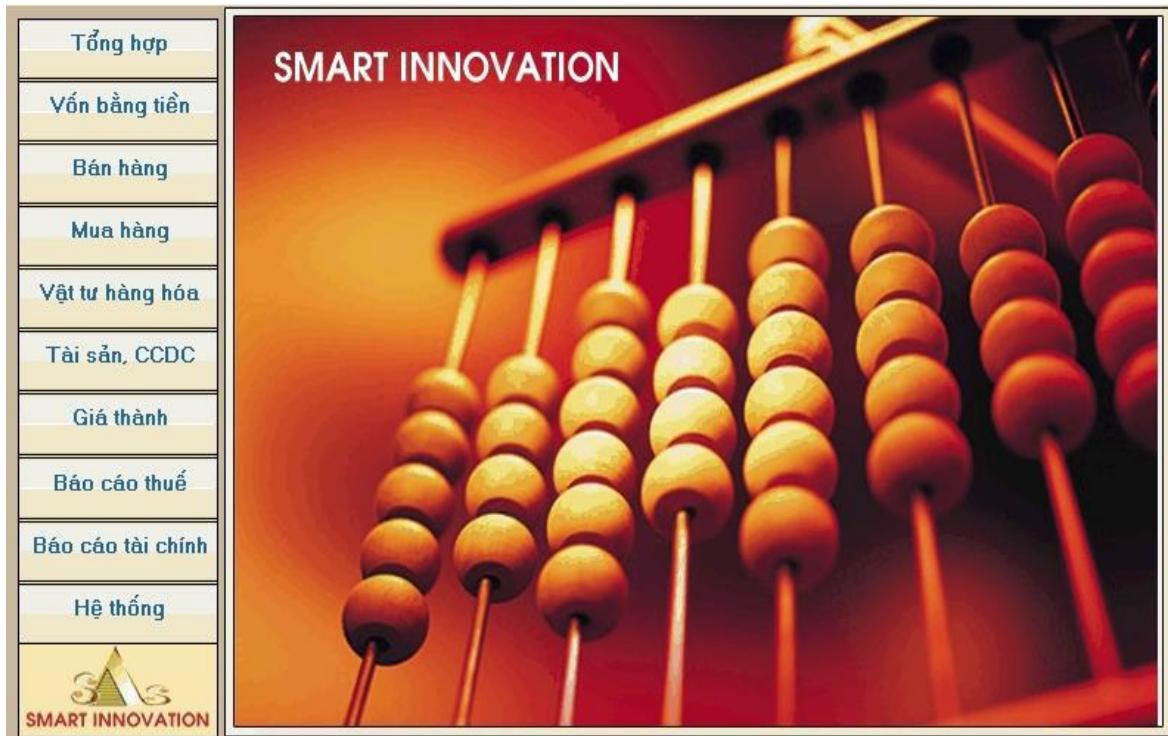
- + Quản lý tổng quan tình hình tài chính một cách tập trung giúp nhà quản trị luôn nắm được tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- + Cập nhập các chế độ kế toán tài chính mới nhất, các thông tư hướng dẫn thuế, bảo hiểm...



- Phần mềm kế toán SAS INNOVA:
 - + Là phần mềm thiết kế đơn giản, dễ sử dụng
 - + Đưa vào trợ giúp quy trình mẫu, kiến thức thuế, kế toán, tài chính, các quy chế nội bộ
 - + Tính giá thành định mức hoàn hảo
 - + Tích hợp mã vạch 2 chiều để in tờ khai thuế
 - + Cho phép copy tất cả các chứng từ trên tất cả các phiếu
 - + Cho phép thao tác các nghiệp vụ trên phiếu

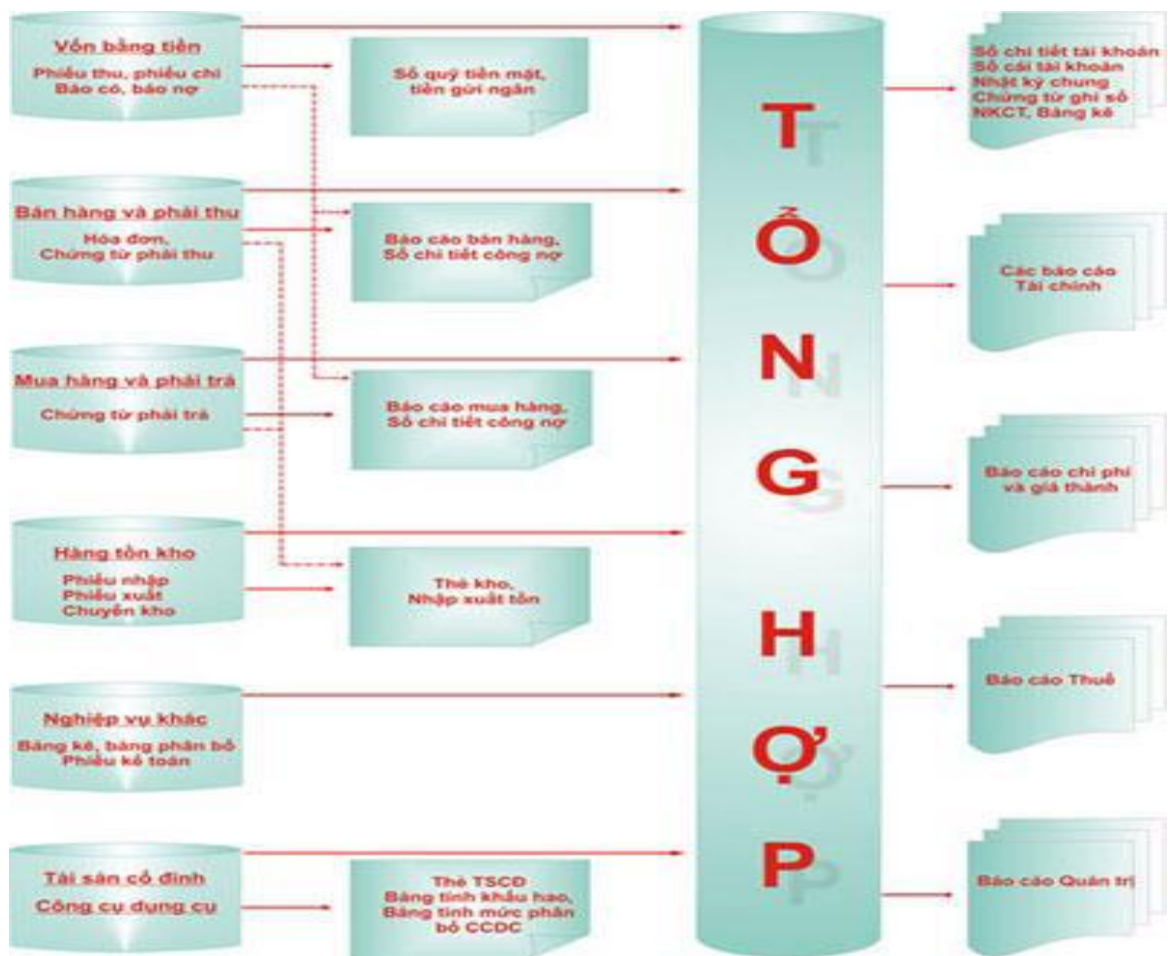
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Quản lý số liệu theo nhiều đơn vị, nhiều xí nghiệp, thành viên, nhiều mảng hoạt động .



- Phần mềm FAST-ACCOUNTING: là công cụ hữu hiệu giúp chúng ta làm kế toán nhanh .

- + Tự động lập các báo cáo tổng hợp
- + In các hóa đơn bán hàng, mua hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi... trực tiếp từ phần mềm.
- + Cung cấp các thông tin tức thời phục vụ quản trị kinh doanh.
- + Tự động lên các đồ thị phục vụ cho việc quản trị doanh nghiệp.
- + Tự động tính và lập báo cáo về thuế GTGT.
- + Kết nối trực tiếp phần mềm hỗ trợ kê khai thuế phiên bản mới nhất
- + Bảo mật bằng mật khẩu, phân quyền truy cập đến từng chức năng (đọc/sửa/xóa/tạo mới).



Trên đây là toàn bộ nội dung của khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc”.

Qua thời gian nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tiễn công tác kế toán tại công ty, em thấy công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là một công cụ quan trọng trong quá trình quản lý doanh nghiệp. Công tác đó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình hoạt động, tiêu thụ và thanh toán công nợ..., phản ánh một cách đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Nhờ đó công ty không ngừng phát triển và có những thành tích đáng khen ngợi.

Trong quá trình thực tập tại Công ty, do thời gian có hạn nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và những tồn tại của Công ty, em xin phép đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Do kiến thức bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những sai sót. Vì vậy, em kính mong nhận được sự giúp đỡ của các thầy cô và ban lãnh đạo công ty cùng các anh chị phòng kế toán của Công ty để bài khóa luận này được hoàn thiện.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn góp ý tận tình của các thầy cô giáo, đặc biệt sự hướng dẫn của cô giáo - TS. Nguyễn Thị Mỹ cùng sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo Công ty, sự chỉ bảo hướng dẫn nhiệt tình của các anh chị phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thiện khóa luận.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính_Nhà xuất bản Thống kê năm 2009.
2. Chuẩn mực kế toán số 14.
3. Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009.
4. Tài liệu và các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2012 của Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Bắc.
5. Giáo trình kế toán tài chính của trường ĐH Kinh Tế Quốc Dân
6. Giáo trình kế toán tài chính của trường Học Viện Tài Chính – Hà Nội
7. Khóa luận các anh chị khóa trên trường ĐHDL Hải Phòng.